**BÀI 1: THƠ VÀ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**Thời lượng thực hiện: 12 tiết**

**------------------**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- HS biết được đặc điểm hình thức và nội dung của thể thơ song thất lục bát.

- HS hiểu về chữ viết tiếng Việt (chữ Nôm, chữ Quốc ngữ), yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn

- Vận dụng viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe, phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

**b. Năng lực chuyên biệt:**

- Xác định và phân tích được một số yếu tố thi luật của thể thơ song thất lục bát như: Số dòng, số chữ, vần và nhịp trong một khổ thơ. Thấy được sự khác biệt giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát. Vận dụng được hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về chữ viết tiếng Việt (Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ) để vận dụng vào thực tế. Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

- Viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như: lập luận thiếu loogic, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan đến luận điểm.

**3. Phẩm chất**

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; trân trọng tình bạn, khát vọng hạnh phúc và tình cảm gia đình.

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài học. - Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, sơ đồ tư duy.

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:** - Soạn bài. - Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần: Tiết: 5,6,7* *Ngày soạn: …../....../2024**Ngày dạy: …../....../2024* | **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN****SÔNG NÚI NƯỚC NAM** |

**a. Mục tiêu:** *Sau khi đọc hiểu văn bản xong HS:*

- Nhận biết được thể loại của văn bản “*Sông núi nước Nam”.*

- Nhận diện đôi nét về tác giả, tác phẩm của văn bản *“Sông núi nước Nam”.*

- Xác định và phân tích được các đặc điểm của văn bản: *Vần, nhịp, niêm, luật…*

- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của văn bản

- Nhận diện và phân tích được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

- Viết bài văn phân tích được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

**b. Nội dung:**GV sử dụng PPDH dạy học đàm thoại gợi mở, hợp tác, kĩ thuật dạy học chia nhóm, động não, hướng dẫn HS hoàn thành các nhiệm cụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS nắm được đặc trưng thể loại và đọc hiểu được văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẨU (5’)**

**-** GV tổ chức cho HS xem video: “Lí Thường Kiệt và trận chiến trên sông Như nguyệt”:

*(1) Video trên nhắc đến nhân vật và sự kiện lịch sử nào?*

*(2) Bài thơ vang lên ở cuối đoạn video là bài thơ nào?*

- HS tiếp thu

- GV yêu cầu HS hoạt động trong 5 phút

- HS hoạt động cá nhân:

(1) Quan sát video tập trung

(2) Suy nghĩ trả lời câu pháp vấn (1) và (2)

- GV tổ chức cho HS báo cáo

- HS báo cáo sản phẩm

**\* Dự kiến sản phẩm:**

+ Đoạn video trên nhắc về Lí Thường Kiệt và trận chiến trên sông Như Nguyệt.

+ Cuối đoạn video bài thơ “Nam Quốc Sơn Hà”

- GV và HS nhận xét báo cáo

- GV chốt kiến thức/ bổ sung và dẫn dắt vào bài: *Đất nước ta trải qua bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, bao triều đại đi qua là bấy nhiêu triều đại đứng lên đấu tranh chống ngoại xâm giữ nước. Truyền thống ấy đã được phản ánh trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là văn học Lí Trần. Văn bản “Sông núi nước Nam” sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về điều đó.*

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25’)**

**I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* HDHS tìm hiểu kiến thức phần kiến thức Ngữ văn**- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm:*(1) Xem lại phần kiến thức về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã học ở học kì II lớp 8.**(2) Nêu khái niệm về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt?**(3) Nhắc lại những đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt?**(4) Phương pháp đọc hiểu văn bản thơ thất ngôn tứ tuyệt?*- HS tiếp nhận- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 10 phút- HS hoạt động nhóm:(1) Đọc phẩn Kiến thức ngữ văn về thơ thất ngôn tứ tuyệt ở SGK Ngữ văn 8, tập 2, bộ Cánh diều.(2) Nhắc lại khái niệm thể thơ.(3) Nêu những đặc trưng của thơ song thất lục bát.(4) Trình bày phương pháp đọc hiểu văn bản.- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | **1. Kiến thức ngữ văn****a. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt*****\* Khái niệm*****-** Thất ngôn tứ tuyệt là thể thơ nổi tiếng thời nhà Đường (TQ). Một bài thơ thường gồm 4 dòng thơ, mỗi dòng được cấu tạo bởi 7 tiếng. ***\* Đặc trưng thể loại***- Số dòng: 4 dòng/ bài- Số tiếng: 7 tiếng/ dòng- Bố cục: + Khai/ khởi: Gợi mở ý thơ.+ Thừa: Tiếp nối ý ở câu đầu để làm trọn vẹn ý thơ.+ Chuyển: Chuyển ý thơ từ phản ánh sự vật, hiện tượng sang gợi mở về bản chất và nguyên nhân của sự vật, hiện tượng.+ Hợp:Cùng cây chuyển làm cô đúc ý thơ, thể hiện nỗi niềm tác giả.- Niêm (dính): câu 1-4, 2-3 có kết dính với nhau.- Luật: Tuân thủ lật Bằng – Trắc, chữ thứ 2 mang thanh nào thì bài thơ mang luật đó.- Vần (thơ Đường ít dùng vần Trắc): chữ cuối cùng của các dòng 1,2,4 vần với nhau.- Nhịp: thường ngắt nhịp chẵn trước lẻ sau (4/3; 2/2/3)- Đối: câu, từ, âm… |

***=> GV bổ sung:*** *Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc, có từ thời Đường (618 – 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản. Ở Việt Nam, trên cơ sở của thơ Đường luật và thơ ca truyền thống, cha ông ta đã sáng tạo ra thể thơ Nôm Đường luật mang bản sắc dân tộc. Sang thời hiện đại, thơ Đường luật còn được viết bằng chữ Quốc ngữ. Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt (mỗi bài bốn câu). Thơ Đường luật là thể thơ Đường cách luật xuất hiện từ thời nhà Đường ở Trung Quốc. Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau: Luật, Niêm, Vần, Đối và Bố cục. Về hình thức, thơ Đường luật có các dạng*"thất ngôn bát cú" (*tám câu, mỗi câu bảy chữ) được xem là dạng chuẩn; biến thể có các dạng:* "thất ngôn tứ tuyệt*" (bốn câu, mỗi câu bảy chữ),* "ngũ ngôn tứ tuyệt" *(bốn câu, mỗi câu năm chữ),* "ngũ ngôn bát cú"*(tám câu, mỗi câu năm chữ) cũng như các dạng ít phổ biến khác.*

***=> GV chuyển ý:*** *Thông qua hoạt động trên, các em đã nắm được khái niệm và đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Bước sang hoạt động tiếp theo, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu chung về văn bản…*

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HDHS tìm hiểu chung về văn bản**- GV yêu cầu HS nhóm cặp đôi hoàn thành PHT sau:*(1) Đọc văn bản đúng theo hướng dẫn.**(2) Theo em tác giả của văn bản là ai?**(3) Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào? Mục đích của bài thơ là gì?**(4) Xác định phương thức biểu đạt và thể loại của văn bản?*(5)  *Xác định bố cục và nội dung chính của từng đoạn?*- HS tiếp nhận- GV cho HS làm việc trong thời gian 10 phút:(1) Hướng dẫn HS đọc văn bản đúng cách.(2) Đọc mẫu văn bản.(3) Quan sát, giúp đỡ nếu HS cần khi hoạt động nhóm cặp đôi.- HS hoạt động nhóm cặp đôi:(1) Đọc văn bản đúng theo hướng dẫn.(2) Hoàn thành yêu cầu của PHT.- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | **2. Tìm hiểu chung văn bản***\* Đọc, chú thích***a. Tác giả**- Chưa rõ- Tương truyền là của Lí Thường Kiệt**b. Văn bản*****\* Hoàn cảnh sáng tác:*****-** Sáng tác trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1077), đọc ở miếu thần trên phòng tuyến Như Nguyệt (nam sông Cầu).***\* Mục đích:***- Động viên, khích lệ tinh thần tướng sĩ - Làm quân địch hoang mang, khiếp sợ.- Được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của dân tộc ta.***\* Thể loại và phương thức biểu đạt***- Thể loại: Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm**\* Bố cục:** 2 phần- Hai câu đầu: Nước Nam là của ngưòi Nam. Điều đó đã được sách trời định sẵn, rõ ràng.- Hai câu cuối: Kẻ thù không được xâm phạm, nếu xâm phạm sẽ chuốc lấy bại vong. |

***=> GV bổ sung:*** *Bài thơ chưa rõ tác giả là ai và có nhiều lời kể về sự ra đời của bài thơ, trong đó truyền thuyết được nhiều người tin tưởng nhất kể như sau: Năm 1077, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược nước ta. Vua Lí Nhân Tông sai Lí Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt, bỗng một đêm, quân sĩ nghe từ trong đền thờ hai anh em Trương Hống và Trương Hát có tiếng ngâm bài thơ này.*

***=> GV chuyển ý:*** *Thông qua hoạt động trên, ta đã cơ bản thấy được hoàn cảnh và mục đích bài thơ ra đời. Vậy những đặc điểm nào trong bài thơ “Nam quốc Sơn Hà” mang đặc trưng của thể thơ song thất lục bát. Ta cùng bước sang hoạt động tiếp theo…*

**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HDHS tìm hiểu một số đặc trưng của thể thơ song thất lục bát được thể hiện trong văn bản**- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành PHT sau:*(1) Văn bản thuộc thể thơ nào?**(2) Dấu hiệu nhận biết nào cho em biết thể thơ đó?**(3) Chỉ ra biểu hiện niêm, vần, đối, nhịp của bài thơ?**(4) Nhận xét về đặc điểm thi luật của bài thơ?**(5) “Sông núi nước Nam” được coi là Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc vì đã khẳng định những điều gì?*- HS tiếp nhận- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 7 phút- HS hoạt động nhóm- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | **1. Một số đặc trưng của thể thơ song thất lục bát được thể hiện trong văn bản.**- **Thể thơ**: thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.**- Dấu hiệu nhận biết:** + Số câu: 4+ Số chữ trong 1 câu: 7**- Niêm:** chữ thứ 2 trong câu một là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 4 cũng là “bằng”, chữ thứ 2 của câu 2 là “trắc” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “trắc”.**- Vần:** chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1,2 và 4 (*cư- thư- hư*).**- Đối:** Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.**- Nhịp:** 4/3=> Bài thơ tuân thủ quy định về niêm, vần, đối, nhịp của một bài thơ Thất ngôn tứ tuyệt luật bằng vần bằng theo luật Đường.=> “Sông núi nước Nam” có thể coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, mang hai nội dung lớn: khẳng định độc lập dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập đó. |

***=> GV bổ sung, chuyển ý:***

|  |  |
| --- | --- |
|  *Nam quốc sơn hà / Nam đế* ***cư,***B T B B B T B *Tiết nhiên định phận / tại thiên* ***thư*** T B T T T B B |  *Như hà nghịch lỗ / lai xâm phạm,*B B T T B B T *Nhữ đẳng hành kha / thủ bại* ***hư.*** T T B B T T B |

*Từ những đặc điểm trên bài thơ mang đầy đủ đặc trưng của thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Hơn thế nữa, văn bản này còn được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, mang hai nội dung lớn: khẳng định độc lập dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập đó. Vậy những khẳng định đó được thể hiện như thế nào? Ta cùng bước sang hoạt động tiếp theo…*

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HDHS tìm hiểu lời khẳng định độc lập dân tộc**- GV yêu cầu HS đọc 2 dòng thơ đầu và trả lời câu hỏi sau:*(1) Trong 2 dòng đầu muốn khẳng định điều gì?**(2) Em hiểu nghĩa của các từ “Nam quốc”, “Nam đế”, “tiệt nhiên”, “định phận”, “thiên thư” là gì? Các từ trên đóng vai trò như thế nào trong 2 dòng thơ đầu?**(3) Trong phần dịch thơ dịch “vua Nam ở” sẽ khiến cho ý thơ thay đổi ra sao? Việc sử dụng chữ “đế” có tác dụng gì?**(3) Căn cứ vào đâu tác giả khẳng định cương vực lãnh thổ nước ta? Tại sao?**(4) Từ 2 dòng thơ đầu, em có nhận xét gì về tác giả bài thơ?*- HS tiếp nhận- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 10 phút- HS hoạt động - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | **2. Cơ sở khẳng định độc lập chủ quyền*****a. Khẳng định nền độc lập dân tộc******\* Có chủ quyền riêng***- “Nam quốc”: nước Nam- “sơn hà”: sông núi- “Nam đế cư” – “vua nước Nam”+ “vua”: có nhiều, phụ thuộc và đế, quyền lực xếp sau đế.+ “đế”: duy nhất, chỉ có 1, toàn quyền, có quyền lực cao nhất.=> Khẳng định mạnh mẽ quyền của vua Nam với nước Nam sánh ngang hàng với Bắc đế.=> Độc lập và không phụ thuộc vào Bắc đế***\* Có cương vực lãnh thổ riêng***- “tiết nhiên”: Điều tất nhiên, dĩ nhiên, sẵn có…- “định phận”: địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng- “thiên thư”: sách trời=> Ghi nhận cương vực, lãnh thổ của nước Nam đã được trời đát phân định rõ ràng.=> ***Hai câu đầu khẳng định độc lập dân tộc trên cở sở cương vực lãnh thổ và chủ quyền của nước Nam.*** |

***=> GV bổ sung, chuyển ý:*** *Hai câu đầu khẳng định độc lập dân tộc trên cở sở cương vực lãnh thổ và chủ quyền của nước Nam. Trước hết về chủ quyền, Đại Việt là đất nước có chủ quyền riêng, điều này được thể hiện rõ qua cụm từ “Nam đế cư”. Trong phần dịch thơ được dịch là “vua Nam ở”. Ở đây chúng ta cần có sự phân biệt rạch ròi giữa đế và vua, vì đây là hai khái niệm rất khác nhau. Đế là duy nhất, toàn quyền, có quyền lực cao nhất; Vua thì có nhiều, phụ thuộc vào đế, quyền lực xếp sau đế. Bởi vậy, khi sử dụng chữ đế trong bài đã khẳng định mạnh mẽ quyền của vua Nam với nước Nam, đồng thời khi sử dụng “Nam đế” thì mới sánh ngang hàng với “Bắc đế”, độc lập và không phụ thuộc vào Bắc đế. Về cương vực lãnh thổ, nước ta có cương vực riêng đã được quy định ở sách trời. Căn cứ vào thiên thư nước ta nằm ở phía nam núi Ngũ Lĩnh thuộc địa phận sao Dực và sao Chẩn. Dựa vào sách trời để khẳng định chủ quyền của đất nước rất phù hợp với tâm lí, niềm tin của con người ngày xưa (tin vào số phận, mệnh trời) bởi vậy càng có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn. Đồng thời sách trời ở đây cũng tương ứng với chân lí khách quan, qua đó tác giả cũng ngầm khẳng định sự độc lập của đất nước ta là chân lí khách quan chứ không phải ý muốn chủ quan.*

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HDHS tìm hiểu sự quyết tâm bảo vệ dân tộc được khẳng định trong bài thơ**- GV yêu cầu HS:*(1) Câu “Như hà…” là kiểu câu gì? Mục đích sử dụng kiểu câu này là gì?**(2) Em hiểu từ “nghịch lỗ”, “thủ bại hư” dùng để chỉ điều gì?**(3) Nhận xét về giọng thơ trong 2 dòng thơ này?**(4) Hai dòng thơ cuối muốn khẳng định thái độ và cảm xúc gì?*- HS tiếp nhận- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 10 phút- HS hoạt động - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | ***b. Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc*** - “Như hà…”: câu hỏi tu từ=> Khẳng định - “nghịch lỗ”: làm điều trái lại ý trời (chỉ quân Tống), phi nghĩa, ngược lại chân lí khách quan.- “thủ bại hư”: chuốc lấy, nhận lấy thất bại.=> Hành động của quân Tống là phi nghĩa, không thể chấp nhận, là vi phạm lại ý trời. => Giọng điệu dõng dạc, hùng hồn, đanh thép.=> Thể hiện quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đồng thời răn đe, cảnh bảo trước kẻ xâm lược nếu cố tình xâm phạm sẽ chuốc lấy bại vong. |

***=> GV bổ sung, chuyển ý:*** *Với lời khẳng định đó, hai câu thơ sau tiếp tục khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ dân tộc. Câu hỏi tu từ “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?” giống như một lời răn đe, cảnh cáo cho những kẻ xâm lược đi xâm lược lãnh thổ là đang làm trái ý trời. Và từ đó, câu thơ cuối cùng vang lên đầy đanh thép. Những kẻ đi xâm lược, cướp nước của dân tộc khác sẽ không có được kết thúc tốt đẹp. Giọng thơ dõng dạc, hùng hồn, đanh thép nhằm thể hiện quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Câu thơ cuối là một lời khẳng định và cảnh cáo về số phận của những kẻ làm việc sai trái, nhưng đồng thời còn thể hiện sự tự tin vào sức mạnh của dân tộc ta, thể hiện niềm tin vào chiến thắng tất yếu của phe chính nghĩa.*

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HDHS tìm hiểu sự thống nhất trong ý thơ**- GV yêu cầu HS:*(1) Theo em, hai dòng thơ đầu và 2 dòng thơ cuối có mối liên hệ như thế nào?**(2) Bài thơ gợi lên trong em những tình cảm, cảm xúc gì?**(3) Theo em, nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay?*- HS tiếp nhận- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 10 phút- HS hoạt động - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | ***c. Mối liên hệ, ý nghĩa và bài học***- Hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối có mối quan hệ gắn kết, bổ sung cho nhau.+ Hai dòng đầu là lời khẳng định chủ quyền của đất nước.+ Hai dòng cuối là quyết tâm bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của dân tộc.- Bài *Sông núi nước Nam* gợi lên trong em niềm tự hào, lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ giữ gìn vẻ đẹp và truyền thống quý báu của dân tộc.- Nội dung bài thơ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thế hệ trẻ ngày nay. Bài thơ là lời nhắc nhở, động viên thế hệ trẻ phải luôn cố gắng phấn đấu, tự hào, mạnh mẽ giữ gìn bản sắc truyền thống văn hóa của dân tộc, xứng đáng với những gì mà thế hệ cha anh đã đổ cả xương máu để giữ gìn và bảo vệ. |

**III. TỔNG KẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HDHS tổng kết kiến thức** - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra kĩ năng đọc hiểu thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt- HS tiếp nhận- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 5 phút- HS hoạt động nhóm- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- GV nhận xét, đánh giá | **1. Nghệ thuật**- Thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn và sắc sảo.- Câu hỏi tu từ, giọng thơ đanh thép, hào hùng và mạnh mẽ.- Hình ảnh mang tính biểu tượng cao “Nam quốc sơn hà”. **2. Nội dung**- Bài thơ xứng đáng là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta.- Ngợi ca lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.- Thể hiện ý chí, sức mạnh và tinh thần đoàn kết của dân tộc VN.**3. Kĩ năng đọc hiểu thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt**- Nhận biết bài thơ được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hay chữ quốc ngữ, viết theo thể thơ nào.- Tìm hiểu chủ đề, bố cục và mỗi quan hệ giữa các câu thơ trong bài.- Tìm hiểu không gian, thời gian và BPNT đặc sắc được tác giả sử dụng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10’)**

*-* GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoàn thành PHT sau:

**\* Bộ câu hỏi:**

**Câu 1.** Bài thơ “*Nam quốc sơn hà*” thuốc thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú B. Thất ngôn tứ tuyệt C. Song thất lục bát D. Lục bát

**Câu 2.** Ý nào **không đúng** khi nói về hoàn cảnh ra đời của bài thơ?

A. Năm 1077, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược nước ta.

B. Vua Lí Nhân Tông sai Lí Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt.

C. Một đêm, quân sĩ nghe từ trong đền thờ anh em Trương Hống – Trương Hát có tiếng ngâm bài thơ “Nam quốc sơn hà.

D. Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

**Câu 3.** Tại sao tác giả sử dụng từ “đế” chứ không dùng từ “vua”, “vương”?

A. Khẳng định mạnh mẽ quyền của vua Nam với nước Nam sánh ngang hàng với Bắc đế, không phụ thuộc.

B. “đế” là duy nhất, chỉ có 1, toàn quyền, có quyền lực cao nhất, là bá chủ thế giới.

C. Nghĩa giống nhau, dùng thế nào cũng được.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

**Câu 4.** Nội dung chính của bài thơ “Nam quốc sơn hà” là gì?

A. Thể hiện lòng yêu nước, yêu quê hương.

B. Ca ngợi người anh hùng đánh giặc ngoại xâm.

C. Ngợi ca lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Đồng thời, thể hiện ý chí, sức mạnh và tinh thần đoàn kết của dân tộc VN.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 5.** Đâu là từ Hán Việt trong các từ sau đây:

A. sơn hà B. rạch ròi C. lũ giặc D. nước Nam

**Câu 6.** Bài thơ “Nam quốc sơn hà” gợi lên suy nghĩ và cảm xúc gì?

A. Niềm tự hào, lòng yêu nước.

B. Ý chí quyết tâm bảo vệ, giữ gìn truyền thống quý báu của dân tộc.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 7.** Theo em, nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay?

**GỢI Ý:** *Nội dung bài thơ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thế hệ trẻ ngày nay. Bài thơ là lời nhắc nhở, động viên thế hệ trẻ phải luôn cố gắng phấn đấu, tự hào, mạnh mẽ giữ gìn bản sắc truyền thống văn hóa của dân tộc, xứng đáng với những gì mà thế hệ cha anh đã đổ cả xương máu để giữ gìn và bảo vệ.*

- HS:Tiếp nhận

- HS làn việc nhóm tại lớp

- GV theo dõi, giúp đỡ HS

- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.

- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

- Nhóm khác chú ý lắng nghe.

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau

- GV nhận xét, đánh giá.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5’)**

*-* GV yêu cầu HS:

***(1) Viết bài văn phân tích bài thơ “Nam quốc sơn hà”?***

- HS:Tiếp nhận

- HS làm việc nhóm tại nhà

- GV theo dõi, giúp đỡ HS: Dàn ý:

**I. Mở bài**: Giới thiệu đôi nét về bài thơ Sông núi nước Nam.

**II. Thân bài**

**1. Lời khẳng định chủ quyền lãnh thổ của quốc gia, dân tộc**

- Câu thơ 1: Nam quốc sơn hà Nam đế cư (Sông núi nước Nam vua Nam ở)

+ Trong quan niệm của xã hội xưa: toàn bộ diện tích lãnh thổ, của cải vật chất, con người của một đất nước đều thuộc về nhà vua. Người có quyền quyết định tất cả mọi thứ, thậm chí cả quyền sinh sát.

+ “Nam đế”: hoàng đế nước Nam, người đứng đầu của một quốc gia - thể hiện sự ngang hàng với phương Bắc.

- Câu thơ 2: Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (Vành vạch sách trời chia xứ sở)

+ “Thiên thư”: sách trời - Lãnh thổ, địa phận của đất nước đã được ghi tại sách trời.

+ Điều này khẳng định chủ quyền lãnh thổ của dân tộc ta là một chân lý không thể chối cãi và thay đổi được.

=> Một lời khẳng định đanh thép, bản lĩnh.

**2. Sự quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quốc gia, dân tộc**

- Câu thơ 3: Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm (Giặc giữ cớ sao xâm phạm đến đây?)

+ Câu hỏi tu từ: “như hà” - “cớ sao?” nhằm khẳng định lại chủ quyền dân tộc.

+ “nghịch lỗ”: khẳng định những kẻ xâm lược đi xâm lược lãnh thổ là đang làm trái ý trời.

- Câu thơ 4: Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư (Chúng mày nhất định phải tan vỡ): Những kẻ đi xâm lược, cướp nước của dân tộc khác sẽ không có được kết thúc tốt đẹp.

=> Một lần nữa khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

**III. Kết bài**: Đánh giá về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.

- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

- Nhóm khác chú ý lắng nghe.

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau

- GV nhận xét, đánh giá.

***Bài văn mẫu:***

*Nhắc đến tuyên ngôn độc lập của đất nước ta thường nghĩ đến bản tuyên ngôn độc lập được Bác đọc tại quảng trường Ba Đình vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 lịch sử. Nhưng trước đó đã có một số tác phẩm mang dấu ấn, tính chất của tuyên ngôn độc lập. Và trong đó không thể không nhắc đến bài thơ thần Nam quốc sơn hà.*

|  |  |
| --- | --- |
| *“Nam quốc sơn hà Nam đế cưTiệt nhiên định phận tại thiên thư* | *Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”* |

*Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, viết bằng chữ Hán. Bài thơ vốn không có tên. Cái tên “Nam quốc sơn hà” là được những người biên soạn hợp tuyển thơ văn đặt căn cứ vào việc lấy bốn chữ đầu tiên của bài thơ. Bài thơ Nam quốc sơn hà có ít nhất là 35 dị bản sách và 8 dị bản thần tích.*

*Bài thơ này đầu tiên được ghi vào sách vở là sách Việt điện u linh tập, song bản Nam quốc sơn hà trong Việt điện u linh tập không phải là bản được biết đến nhiều nhất, bản ghi trong Đại Việt sử ký toàn thư mới là bản được nhiều người biết nhất. Đại Việt sử ký toàn thư được biết đến là bộ chính sử đầu tiên có ghi chép bài thơ này. Nam quốc sơn hà sáng tác năm nào? Phân tích Nam quốc sơn hà, ta thấy bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước. Vào cuối năm 1076, nhà Tống có ý đồ xâm lược Đại Việt. Vua Tống đã cử quân kéo sang xâm lược nước ta. Tuy là nước nhỏ nhưng ta quyết không để mất nước, quân dân đồng lòng cùng chống giặc ngoại xâm.*

*Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thái uý Lí Thường Kiệt, quân ta đã chặn giặc tại phòng tuyến sông Cầu, đến tháng 3 năm 1077 thì đánh tan quân giặc. Hiện nay về tác giả của bài thơ này vẫn chưa được xác định rõ ràng. Nhưng giả thuyết được nhiều người đồng ý nhất là bài thơ do Lý Thường Kiệt sáng tác. Tương truyền rằng, để khích lệ và động viên ý chí chiến đấu của quân ta cũng để làm tan rã tinh thần quân giặc, Lí Thường Kiệt đã cho đọc bài thơ giữa đêm khuya trên bờ sông Cầu.*

*Lời thơ ngân vang khắp cả đất trời khiến cho nghĩa quân tin rằng trời đất ủng hộ cuộc kháng chiến và đây là một dấu hiệu tốt, lòng dân được củng cố thanh thế sĩ khí ngày càng tăng. Lý Thường Kiệt thừa cơ hội đó liền cho quân vượt sông, tổ chức một trận quyết chiến chủ động tấn công đánh thẳng vào trại giặc. Phần vì yếu tố bất ngờ, phần vì tinh thần chiến đấu của quân Việt đang dâng lên cao, quân Tống chống đỡ yếu ớt, số bị chết, bị thương đã quá nửa. Quân Tống đại bại. Lý Thường Kiệt nhìn trước thời cuộc nên không tiếp tục tấn công mà liền cho người sang nghị hoà, mở đường cho quân Tống rút quân về nước, giành lại giang sơn, giữ vững bờ cõi Đại Việt.*

*Khẳng định chủ quyền đất nước, phân định rõ ràng về lãnh thổ là những ý chính trong câu thơ đầu tiên của người anh hùng Lý Thường Kiệt. Mở đầu bài thơ là câu thơ đanh thép khẳng định quyền độc lập tự chủ của dân tộc:*

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư”*

*(Sông núi nước Nam, vua Nam ở)*

*“Nam quốc” ở đây ý chỉ nước Nam, với mục đích xác định rõ ràng ranh giới đất nước. Việc xưng “Nam quốc” đã thể hiện rõ ràng kiên định lập trường về đất nước. Bởi lẽ một ngàn Bắc Thuộc tuy đã kết thúc khi Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng nhưng nhà nước Trung Hoa vẫn chỉ xem nước ta là một quận Giao Chỉ thuộc Trung Hoa. Vì vậy việc khẳng định “Nam quốc” mang một ý nghĩa đặc biệt. Câu thơ ngắt nhịp 4/3, tách thành hai vế “sông núi nước Nam”, “vua Nam ở”. Đây là hai vế có mối quan hệ mật thiết gắn bó. Ý thức về không gian lãnh thổ đất nước quan trọng nhưng việc xác định quyền làm chủ đối với lãnh thổ ấy còn quan trọng hơn gấp bội. Tương xứng với “Nam quốc” đó chính là “Nam đế”. Trong quan niệm của Trung Hoa của có duy nhất vua của Trung Hoa mới xứng là hoàng đế, là thiên tử còn những nước khác chỉ dám xưng vương, chư hầu không có nước nhỏ nào dám xưng đế ngang hàng với Trung Hoa. Duy chỉ có nước ta đã khẳng định mạnh mẽ ta và Trung Hoa đều là những nước độc lập có quyền bình đẳng như nhau. Và nước Nam là thuộc chủ quyền của người nước Nam mà đại diện đứng đầu là vua Nam.*

*Trong một dòng thơ ngắn nhưng hai từ “Nam” xuất hiện không chỉ tạo nhịp điệu cho câu thơ mà còn khẳng định ý thức chủ quyền mạnh mẽ. Phân tích Nam quốc sơn hà, ta thấy nếu so với Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi – xác định chủ quyền trên nhiều phương diện hơn.*

|  |  |
| --- | --- |
| *“Như nước Đại Việt ta từ trướcVốn xưng nền văn hiến đã lâuNúi sông bờ cõi đã chiaPhong tục Bắc Nam cũng khác* | *Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lậpCùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phươngTuy mạnh yếu từng lúc khác nhauSong hào kiệt đời nào cũng có”* |

*Còn trong bài thơ “thần” này tuy chỉ mới xác định và khẳng định chủ quyền đối với lãnh thổ chưa toàn diện nhưng điều đó không làm giảm đi ý nghĩa của bài thơ. Cơ sở xác định chủ quyền dân tộc qua câu thứ thứ hai. Để xác định chủ quyền đất nước, Lý Thường Kiệt đã đưa ra những căn cứ:*

*“Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.”*

*(Biên giới rõ ràng có ghi tại sách trời)*

*“Tiệt nhiên” là rành rành, rõ ràng, có đạo lí chính đáng không ai có thể thay đổi hay chối cãi được. Còn “định phận” là xác định các phần. Và trong trường hợp này “phận” ở đây chính là chủ quyền lãnh thổ đất nước thiêng liêng. Nếu đối với Nguyễn Trãi ông xác định căn cứ vào lịch sử thì Lý Thường Kiệt lại căn cứ vào thiên thư. Chủ quyền của vua Nam đối với đất nước là việc có ghi sẵn trong sách trời. “Thiên thư” chính là sách trời, chính sách trời đã định phận cho nước Nam có bờ cõi riêng. Như một định luật, một điều hiển nhiên về chủ quyền đất nước không thể chối cãi.*

*Nếu ở câu đầu đưa ra lời khẳng định thì ở câu thơ sau là lời chứng minh. Tuy cơ sở chứng minh, xác định có phần mang tính duy tâm nhưng cần nhìn nhận lại bối cảnh lịch sử đương thời để hiểu rõ hơn. Người xưa cho rằng vạn vật hữu linh và cuộc sống con người là do bàn tay tạo hóa sắp đặt. Con người không được vượt quyền tạo hóa, bởi vậy mà hành động xâm phạm biên giới của nước khác không chỉ là sự xúc phạm đối với đất nước đó mà còn là sự xúc phạm đến thần linh. Chính vì đất nước của vua nam chính vì điều đó đã được xác định rõ ràng nên cuộc xâm lăng của giặc đã phạm vào định phận của đất trời nên chắc chắn sẽ thất bại.*

*Lời khẳng định đanh thép và bày tỏ sự căm giận quân giặc sâu sắc. Ta thấy từ việc khẳng định chủ quyền đất nước, ông đã đi đến lời kết án và khẳng định đanh thép về ý chí quyết tâm chống giặc của con dân Đại Việt.*

*“Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?”*

*(Sao mà bọn giặc lại tới xâm phạm?)*

*“Như hà” có ý nghĩa là làm sao, “nghịch” nghĩa là trái ngược, “lỗ” là bọn mọi rợ. Ở đây “lỗ” ý chỉ bọn giặc ngoại xâm. Chúng chẳng khác nào giống mọi rợ khi xâm lược lãnh thổ nước ta. Không chỉ xâm lăng đe dọa nền hòa bình độc lập của dân tộc mà chúng còn giày xéo đất đai khiến nhân dân phải chịu nhiều khổ đau, nước mắt căm hờn cứ thế mà chảy dài khắp cả đất nước.*

*Đây là một câu hỏi tu từ vừa bao hàm thái độ ngạc nhiên vừa lại khinh bỉ. Ngạc nhiên là bởi lẽ tại sao thiên triều, kể vốn xưng là con trời – thiên tử lại dám làm trái ý trời, can thiệp vào sự xoay vần của con tạo. Khinh bỉ là vì một nước vốn cho mình có vị thế cao hơn những nước khác lại ỷ mạnh ăn hiếp yếu, xâm chiếm lãnh thổ của nước nhỏ hơn trong khi nước ta vẫn cống nạp giữ gìn tình bang giao. Chính vì vậy việc ta bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước là việc làm chính nghĩa hợp lòng dân thuận theo ý trời nên ta chiến đấu với một tâm thế vững vàng. Ta bảo vệ giang sơn đất nước tổ tiên bao đời gây dựng, ta bảo vệ cuộc sống của những người dân nghèo, ta bảo vệ chính nghĩa…*

*Đối ngược là giặc ngoại xâm, chúng xâm lăng với mục đích không chính đáng vì vậy đây là cuộc xâm lược phi nghĩa nhằm thỏa mãn nhu cầu quyền lực, tham vọng bá chủ. Chúng đã gây ra bao tội ác trời không dung đất không tha. Chính vì dã tâm của giặc và ta là người nắm trong tay lẽ phải nên giọng thơ dõng dạc, hào sảng. Phân tích Nam quốc sơn hà sẽ thấy nhà thơ đã ý thức rõ tâm thế và mục đích của hai cuộc chiến nên ông đã có những lời thơ mạnh mẽ hào hùng.*

*“Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”*

*(Lũ bây hãy xem sẽ ôm lấy thất bại)*

*“Nhữ đẳng” là đại từ nhân xưng ngôi thứ hai có nghĩa một lũ bây, “khan” là một cách đọc khác của khán là xem. Còn “thủ” là nhận lấy, “bại” là thua, “hư” mang ý nghĩa là không vào đâu cả. Câu thơ cuối đã khẳng định một cách chắc chắn về kết quả cuộc chiến. Kết quả đó không phải là một chuyện viển vông cũng chẳng phải một ảo tưởng mà đó là sự đúc kết từ nhiều yếu tố.*

*Đó là từ mục đích của cuộc chiến, từ yếu tố chính nghĩa của kháng chiến và cũng từ truyền thống thống chống giặc ngoại xâm bất khuất của dân tộc ta. Quân ta có thể ít về số lượng, không có vũ khí chiến đấu có thể đây là một cuộc chiến không cân sức, tương quan chênh lệch lực lượng sâu sắc nhưng quan trọng nhất đó chính là ngọn cờ chính nghĩa đã thuộc về phe ta. Còn bởi tình yêu nước nồng nàn sâu lắng của mỗi con dân đất Việt kết nối lại tạo thành một nguồn sức mạnh khổng lồ giúp nước ta có thể chiến thắng trước bao cuộc chiến xâm lược phi nghĩa của quân bất nghĩa phương Bắc. Giặc phương Bắc không thấu tình đạt lí thông hiểu lẽ trời mà bị sự tham làm làm cho mờ mắt. Chúng đến xâm lược phi nghĩa thì kết quả sẽ là tay trắng ra về, nhục nhã ê chề trong thất bại mà quay về nước.*

*Bài thơ đã khẳng định chủ quyền cũng như ý chí quyết tâm chống giặc ngoại xâm của đất nước ta. Truyền thống lịch sử đã xác lập một chân lý dân tộc ta từ bao đời luôn đứng trên chính nghĩa, nắm trong tay lẽ phải để chống lại mọi cuộc chiến ngoại xâm. Mục đích ấy và truyền thống hào hùng ấy đã được nối tiếp từ bao đời để luôn giữ vững hòa bình dân tộc. Sau này không chỉ là giặc xâm lược phương Bắc mà còn là thực dân Pháp, Nhật, Mĩ. Cuộc chiến ngày một khốc liệt hơn nhưng kết quả chiến thắng vẫn thuộc về ta vì ta chiến đấu để bảo vệ non sông gấm vóc. Giọng điệu đanh thép, hào hùng ấy sẽ mãi ngân vang. Xuyên suốt cả bài thơ không một chút run sợ trước sức mạnh của Bắc triều mà luôn giữ vững một niềm tin chiến thắng.*

*Ta cũng bắt gặp tâm thế ấy trong Bình Ngô đại cáo, Hịch tướng sĩ,… Tuy nếu xét về phương diện hoàn chỉnh có thể bài thơ chưa có cái nhìn bao quát về các phương diện chưa chỉ rõ tội ác của giặc nhưng tính chất và giọng điệu của bài thơ sẽ mãi khắc ghi vang vọng cùng non sông. Chỉ với vỏn vẹn hai mươi tám từ ngắn gọn cô đúc nhưng bài thơ đã truyền tải được một ý chí một sức mạnh lớn lao phi thường về ý thức chủ quyền lãnh thổ, về tinh thần quật cường của dân tộc ta. Bài thơ khép lại nhưng những tư tưởng ấy vẫn còn mãi cùng thời gian. Đó chính là sức sống của tác phẩm…*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại kiến thức, ghi nhớ bài học.

- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập được GV giao.

- Chuẩn bị bài mới: Đọc hiểu văn bản “Khóc Dương Khuê”

=====================🙞🕮🙜===================

**Đọc – hiểu văn bản: KHÓC DƯƠNG KHUÊ**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận diện được thể loại của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được các nét khái quát về tác giả Nguyễn Khuyến.

- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.

- Tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ

- Tìm hiểu nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình (NK) qua âm hưởng da diết của bài thơ song thất lục bát.

- Tìm hiểu một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm

- Viết bài văn phân tích được tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày, suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các tác phẩm có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất**

- HS rèn luyện thái độ trân trọng tình cảm bạn bè trong sáng, cao đẹp.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD.

- Sách giáo khoa, phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp, ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS**

- SGK, SBT Ngữ văn 9 Cánh diều.

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS sẵn sàng tìm hiểu kiến thức bài học.

**b. Nội dung:**GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

**c. Sản phẩm:**Nhận thức và thái độ học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV đặt câu hỏi: *Hãy giới thiệu và chia sẻ với mọi người về kỉ niệm đáng nhớ nhất của em cùng người bạn thân thiết của mình.*

- HS nhận nhiệm vụ, chia sẻ

- GV chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học: Bên cạnh những vần thơ viết về làng cảnh Bắc Bộ thì Nguyễn Khuyến còn là nhà thơ chuyên viết về tình bạn thân thiết như *“Bạn đến chơi nhà”, “Khóc Dương Khuê”*,… Bài thơ “*Khóc Dương Khuê*” được viết khi nhà thơ hay tin Dương Khuê – bạn đồng khoa với ông qua đời. Bài thơ thể hiện tình bạn thủy chung chân thành của Nguyễn Khuyến.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc. tìm hiểu chung văn bản**

a.**Mục tiêu:**

- Nắm được cách đọc VB

**-** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

- Xác định được bố cục của văn bản.

**b. Nội dung:**HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**HS đọc VB, tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1.Đọc****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho HS đọc VB+ Yêu cầu hs nêu cách đọc+ Yêu cầu HS phát biểu cảm nhận chung về VB+ Trong VB, từ nào em còn băn khoăn,chưa hiểu rõ nghĩa?**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- GV gọi một số HS đọc* HS đọc VB.

- GV nhận xét, đọc mẫu lại một lần và yêu cầu HS phát biểu cảm nhận chung về VB.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*** HS đọc VB.

- GV nhận xét, đọc mẫu lại một lần và yêu cầu HS phát biểu cảm nhận chung về VB* HS chia sẻ cảm nhận chung về VB (có thể chia sẻ cảm nhận về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, giọng điệu hay hệ thống hình ảnh của bài thơ).
* HS chỉ ra một số từ chưa hiểu rõ nghĩa. HS/GV giúp đỡ giải đáp thắc mắc.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét và chốt kiến thức***2. Tác giả Nguyễn Khuyến và tác phẩm “Khóc Dương Khuê”*****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà:1.Trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về tác giả NK.2. Trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về tác phẩm “ Khóc Dương Khuê”.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS tìm hiểu, thảo luận vài nét thông tin về tác giả**,** tác phẩm**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- Đại diện HS nhóm 1 trình bày sản phẩm dự án- GV gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.- HS/ GV hỏi thêm về thể thơ song thất lục bát**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Trình chiếu bảng. | **I. Đọc, tìm hiểu chung*****1. Đọc, chú thích*** ***a.Đọc******-*** HS đọc to, rõ ràng, diễn cảm.(Chú ý đọc đúng nhịp thơ song thất lục bát (2 câu 7: 3 - 4 hoặc 3 - 2 - 2; 2 câu lục bát: nhịp 2 - 2 - 2; 4 - 4, hoặc các nhịp biến đổi 3 - 5, 2 - 4...); giọng đọc cần thể hiện sự xót xa, tiếc nuối, đau đán cố kìm nén mà vẫn lộ ra, có gì như oán trách, có gì như cam chịu)* Phần chia sẻ cảm nhận, ấn tượng ban đầu về VB của HS.

***b. Chú thích******-*** Một số từ ngữ trong SGK và từ ngữ HS băn khoăn.***2. Tác giả Nguyễn Khuyến và tác phẩm “Khóc Dương Khuê”******a.Tác giả***- Nguyễn Khuyến: 1835, quê Hà Nam. Dương Khuê: 1839, quê Hà Sơn Bình.- Hai người kết bạn từ thuở thi đậu, Nguyễn Khuyến bỏ quan về quê, Dương Khuê vẫn làm quan. Nhưng cả hai vẫn giữ tình bạn gắn bó.***b. Tác phẩm***- H/c sáng tác: Nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến làm bài thơ này khóc bạn.- Bài thơ viết bằng chữ Hán có nhan đề là: Vãn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư. Có bản dịch là Khóc bạn. Lâu nay quen gọi là Khóc Dương Khuê. Sau này tự tác giả dịch ra chữ Nôm- Thể thơ: Song thất lục bát\* Nhắc lại ***kiến thức Ngữ văn: Thể thơ song thất lục bát****a. Số tiếng trong mỗi câu thơ*- Một bài thơ song thất lục bát gồm một hay nhiều khổ thơ; mỗi khổ thơ gồm 4 dòng thơ: Một cặp thất ngôn và một cặp lục bát.*b. Gieo vần**-* Mỗi khổ thơ có một vần trắc và ba vần bằng; câu sáu chỉ có vần chân, ba câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng*c. Ngắt nhịp** Các câu 7 có thể ngắt nhịp 3/4 hoặc 3/2/2, hai câu sáu-tám ngắt nhịp theo thể lục bát.

- Bố cục:+ 2 dòng thơ đầu: Tình cảm buồn đau của NK khi nghe tin bạn mất+ Từ dòng 3-22: Hồi tưởng lại những kỉ niệm về tình bạn+ Còn lại: Tâm trạng day dứt khi bạn dứt áo ra đi  |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ

- Tìm hiểu nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình (NK) qua âm hưởng da diết của bài thơ song thất lục bát.

- Tìm hiểu một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm

- Viết bài văn phân tích được tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***1. Tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ*****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bàn để trả lời câu hỏi 1 trong SGK, tr. 18.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức cơ bản***2. Tìm hiểu nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình (NK)*** ***qua âm hưởng da diết của bài thơ song thất lục bát.*****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình (NK) với các câu hỏi 3,4,5 trang 18 SGK.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trình bày, trao đổi, thảo luận.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.\* Bài thơ giúp em có thêm nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?=> Bài thơ giúp em nhận thức được thứ tình cảm đáng quý, thiết tha sâu nặng giữa những người tri kỷ, đồng thời nhắc nhở chúng ta phải biết trân trọng thứ tình cảm thiêng liêng cao quý này***3.Tìm hiểu một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm*****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho HS tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm. GV hỏi: + Theo em, VB có những nét đặc sắc nghệ thuật nào?+ Em hãy nêu một số ví dụ và phân tích tác dụng của việc sử dụng những biện pháp nghệ thuật trong các trường hợp đó?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi- HS trả lời.- HS khác chú ý lắng nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau- **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**III. Tổng kết****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ một lần nữa rồi tự tổng kết bài học bằng hình thức sơ đồ với ba nội dung: chủ đề, nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ và kĩ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát- HS tiếp nhận**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 5 phút- HS hoạt động nhóm**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.- Nhóm khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá  | **II. Tìm hiêu chi tiết VB**1***. Một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ****a. Số tiếng trong mỗi câu thơ*- HS cần chỉ rõ đâu là cặp câu 7 tiếng (song thất), đâu là câu 6 và 8 tiếng (lục bát).*b. Gieo vần*- HS chỉ rõ vần đã được gieo ở những tiếng nào, tiếng đó ở vị trí nào (chữ thứ mấy trong câu thơ), vần đó được gọi là vần lưng (yêu vận) hay vần chân (cước vận). Nhớ từ thuở đăng khoa ngày *trước*Vẫn sớm hôm tôi bác cùng *nhau*Kính yêu từ *trước* đến *sau*Trong khi gặp gỡ khác *đâu* duyên trời*c. Ngắt nhịp*- HS xác định được ngắt nhịp trong các câu thơ trong bài thơ và tác dụng của cách ngắt nhịp mình lựa chọn.* Chủ yếu: Các câu 7 có thể ngắt nhịp 3/4 hoặc 3/2/2, hai câu sáu-tám ngắt nhịp theo thể lục bát.

+ Đảm bảo tính liên kết của từ ngữ, tạo nhịp điệu đều đặn.+ Việc ngắt nhịp như vậy không chỉ giúp tạo điểm nhấn mà còn thể hiện tình bạn gắn bó thắm thiết, bền bỉ, keo sơn.Nhớ từ thuở/ đăng khoa ngày *trước*Vẫn sớm hôm/ tôi bác cùng *nhau*Kính yêu/ từ *trước* /đến *sau*Trong khi gặp gỡ /khác *đâu* duyên trời.Lưu ý: Một số câu nhịp thơ bị phá vỡ nhịpVD: Bác Dương thôi đã thôi rồi => Nhịp thơ bị phá vỡ 2/1/3 như một tiếng nấc tức tưởi, thể hiện nỗi đau mất bạn của nhà thơ***2. Nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình (Nguyễn Khuyến***) ***qua âm hưởng da diết của bài thơ song thất lục bát.****a. Hai câu đầu: Nỗi xót xa khi nghe tin bạn mất.* - Câu thơ như một tiếng thở dài, tiếng than nhẹ nhàng, nỗi đau đột ngột khi vừa nghe tin bạn mất - Nỗi mất mát ngậm ngùi như chia sẻ với trời đất. *b. Từ câu 3 đến câu 22: Tình bạn chân thành, thuỷ chung gắn bó*- Tiếng khóc như giãi bày, làm sống lại những kỉ niệm của tình bạn thắm thiết: tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.- Cùng thi đậu, cùng vui chơi, cùng nhau uống rượu, cùng gặp nhau một lần, cả hai cùng sống trong cảnh hoạn nạn và cùng đang trong tuổi già.→ Tình bạn keo sơn, thắm thiết. Bộc lộ nỗi niềm trong tâm trạng thầm kín với nỗi đau thời thế.*c/ Những câu thơ còn lại: Nỗi hẫng hụt mất mát*. - Mất bạn Nguyễn Khuyến như mất đi một phần cơ thể.- Muốn gặp bạn nhưng tuổi già không cho phép. Nay bạn mất, đau đớn vô cùng.- Mất bạn trở nên cô đơn : Rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy, giường treo lên.-> Cảm giác hụt hẫng, trống rỗng khi mất bạn-> Tình bạn già mà vẫn keo sơn, gắn bó.=> Bài thơ là tiếng khóc bạn chân thành, xót xa, nuối tiếc của nhà thơ.***3. Một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm******a.*** Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc; Cách sử dụng từ và hình ảnh, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng, thể hiện được tình bạn chân thành thắm thiết cùng với nỗi xót xa, nuối tiếc của nhà thơ khi nghe bạn mất.- Trong 2 câu thơ đầu:+ Tác giả sử dụng nhóm từ “thôi đã thôi rồi” và “nước mây man mác” để diễn tả cảm xúc đau đớn, xót thương trước sự ra đi của người bạn tri kỉ. - Các từ láy *“man mác”, “ngậm ngùi”* diễn tả tâm trạng đau đớn, buồn bã trước sự ra đi của người bạn đồng niên.+ Từ “tôi”, “bác” thể hiện một tấm lòng kính trọng và thân mật.- Từ câu 3- câu 22: + Nhà thơ nhắc đến những kỉ niệm với bạn theo trình tự thời gian qua các từ: *từ thuở đăng khoa sớm ngày bên cạnh nhau, khi chơi nơi dặm khách nghe tiếng suối, khi từng gác treo leo…*- Từ câu 23-hết+ Lặp 5 từ “không” trong tổng số 14 từ để diễn tả một cái không trống rỗng đến ghê gớm khi mất bạn.+ Nỗi đau đớn, trống vắng, sự ngỡ ngàng, bàng hoàng …khi bạn mất: thể hiện qua từ *“chân tay rụng rời*”.b. Sử dụng một số BPNT đặc sắc- Cách nói giảm: Bác Dương thôi đã thôi rồi! , nhằm làm giảm đi những mất mát đau thương.- Biện pháp nhân hóa: Nước mây man mác. Nhằm diễn tả sự ra đi của bạn cũng khiến đất trời thương xót.- Cách nói so sánh: Tuổi già giọt lệ như sương.- Các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên, ... Để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi:- Cách sử dụng lối liệt kê: Có lúc, có khi, cũng có khi… nhằm tái hiện những kỉ niệm về tình bạn thân thiết và tấm lòng của nhà thơ đối với bạn.-  Điển cố, điển tích được sử dụng: Giường treo, Đàn kia.= > Thể hiện sâu sắc tình bạn tri âm, tri kỉ và nỗi buồn ẩn sâu khi mất đi người bạn. **III. Tổng kết****1. Chủ đề**: Tâm trạng và nỗi niềm của NK khi nghe tin bạn mất, những kỉ niệm êm đềm gắn bó ngày xưa sống dậy mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ. Qua đó ca ngợi tình bạn chân thành, thủy chung, gắn bó, cao đẹp giữa cuộc đời đầy đau khổ. Bài thơ còn bộc lộ một tài năng nghệ thuật thơ ca trong dòng văn học trung đại.**2. Nét đặc sắc nghệ thuật**: Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.**3. Kĩ năng đọc hiểu thể thơ song thất lục bát**- Nhận biết bài thơ được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hay chữ quốc ngữ, viết theo thể thơ nào?- Xác định và phân tích một số yếu tố về thi luật như vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; - Xác định và phân tích tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB; - Chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của VB |

**Hoạt động 3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về VB và kĩ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát.

**b. Nội dung:** HS củng cố kiến thức, kĩ năng; Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về BT

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS viết Đv nêu cảm nghĩ về BT- HS tiếp nhận**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- GV gợi ý HS chỉ nên tập trung vào điều mà mình ấn tượng nhất. Có thể gợi ý HS tìm ý cho đoạn văn bằng một số câu hỏi, chẳng hạn: Bài thơ viết về điều gì? Nội dung của bài thơ gợi cho em cảm nghĩ gì? Vì sao em có cảm nghĩ như vậy?GV theo dõi quá trình viết của HS, chú ý những HS thường gặp khó khăn với kĩ năng viết để hỗ trợ các em. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm.- HS đọc đoạn văn.- HS khác chú ý lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá- GV có thể chọn một số bài để chấm nhanh. | Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu về nội dung và hình thức. Có thể theo gợi ý sau:- Về nội dung đoạn văn: HS nêu cảm nghĩ của mình về bài thơ *Khóc Dương Khuê*- Về hình thức đoạn văn: HS viết đoạn văn theo một cấu trúc rõ ràng (diễn dịch, quy nạp, song song hoặc phối hợp), viết đúng chính tả, dùng từ ngữ phù hợp, đặt câu đúng ngữ pháp, đảm bảo số câu theo quy định. |

**Hoạt động 4. Vận dụng**

**a.*Mục tiêu***

- HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b.Nội dung***

- HS làm một sản phẩm (làm thơ, vẽ tranh, làm thiệp, bưu thiếp, viết thư,...) gửi đến người bạn thân yêu để thể hiện tình cảm chân thành, gắn bó thắm thiết của mình với bạn

- Hoặc em sưu tầm những bài thơ/ câu chuyện ngợi ca tình bạn chân thành, thắm thiết, thủy chung

**c. Sản phẩm học tập:**Bài thơ, bức tranh, thiệp, bưu thiếp, bức thư,...)

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau:+ Làm một sản phẩm (làm thơ, vẽ tranh, làm thiệp, bưu thiếp, viết thư,...) gửi đến người bạn thân yêu để thể hiện tình cảm chân thành, gắn bó thắm thiết của mình với bạn+ Hoặc em sưu tầm những bài thơ/ câu chuyện ngợi ca tình bạn chân thành, thắm thiết, thủy chung.- HS tiếp nhận**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- GV gợi ý HS (nếu cần)**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**HS làm sản phẩm ở nhà.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**Tiết sau GV thu sản phẩm và chấm. | Sản phẩm HS gửi đến người bạn thân của mình. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * *Khi gặp khó khăn, bạn thường tìm sự giúp đỡ từ ai?*
* *Bạn đã từng chia sẻ cảm xúc của mình với ai đó và cảm thấy nhẹ nhõm hơn chưa?*
* *Làm thế nào bạn thể hiện sự quan tâm đến bạn bè của mình khi họ không vui?*
* *Khi gặp chuyện không vui, bạn làm gì để cải thiện tinh thần của mình?*
* *Bạn có sở thích hoặc hoạt động nào giúp bản thân cảm thấy hạnh phúc và thoải mái không?*
 |  |  |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

- Xác định và phân tích được giá trị của chữ Nôm và chữ Quốc ngữ trong văn học và trong giao tiếp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi: ***Nhìn tranh đoán chữ***

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động: chiếu tranh trên thiết bị

*- HS nhìn tranh, giơ tay nhanh nhất và đoán chữ trong tranh*

 

 

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay, *Thực hành tiếng Việt trang 18.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được những hiểu biết cơ bản về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành hoàn thiện phiếu học tập

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV phát phiếu học tập (Đính kèm trong phụ lục)**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động nhóm lớn: hoàn thiện phiếu học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**- HS trao đổi sản phẩm nhóm- GV chiếu đáp án- Các nhóm nhận xét chéo**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức→ Ghi lên bảng. | **I. Kiến thức Tiếng Việt****a) Chữ Nôm**- Hoàn cảnh ra đời: Do bị phong kiến Trung Hoa đô hộ ngay từ trước Công nguyên với chính sách đồng hoá rất khốc liệt, suốt hàng nghìn năm Việt Nam phải dùng chữ Hán làm chữ viết chính thức trong giao dịch hành chính và giáo dục. → Người Việt Nam đã liên tục đứng lên đấu tranh giành quyền độc lập không chỉ về chính trị, kinh tế mà cả về văn hoá. → Chữ Nôm ra đời.- Thời gian: Chữ Nôm manh nha ở Việt Nam vào khoảng từ thế kỉ VIII đến thế kỉ IX, hình thành và hoàn thiện vào khoảng từ cuối thế kỉ X đến thế kỉ XII.– Đặc điểm:+ Về cách cấu tạo, chữ Nôm gồm một số chữ mượn y nguyên chữ Hán nhưng phần lớn là những chữ do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán.+ Chữ Nôm còn nhiều hạn chế nhưng được coi là một thành tựu quan trọng về ngôn ngữ – văn hoá, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc.**b) Chữ Quốc ngữ**- Chữ Quốc ngữ là chữ viết ghi âm của tiếng Việt được các nhà truyền giáo, với sự hỗ trợ của nhiều người Việt Nam, chế tác từ thế kỉ XVII dựa trên hệ chữ cái La-tinh (Latin). Sau đó, chữ Quốc ngữ được tu chỉnh qua nhiều giai đoạn, được người Việt tích cực tiếp nhận, truyền bá rộng rãi để đạt đến sự hoàn thiện, ổn định và vị thế như hiện nay.- Chữ Quốc ngữ còn một số hạn chế nhưng về cơ bản, chữ Quốc ngữ có nhiều ưu điểm mà nổi bật nhất là đơn giản, dễ học. |

**C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng hiểu biết để thực hành giải quyết các bài tập theo các mức độ khác nhau

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chia lớp thành 3 nhóm lớn- Mỗi nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ+ Nhóm 1: BT 1 – SGK trang 18+ Nhóm 2: BT 2 – SGK trang 19+ Nhóm 3: BT 3 – SGK trang 19* Thời gian: 5’

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động nhóm, hoàn thiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**- HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- HS khác nhận xét- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **BT 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Viết bằng chữ Hán** | **Viết bằng chữ Nôm** | **Viết bằng chữ Quốc ngữ** |
| - Sông núi nước Nam- Hịch tướng sĩ- Nhật kí trong tù | - Quốc âm thi tập- Truyện Kiều- Truyện Lục Vân Tiên | - Tuyên ngôn Độc lập- Tắt đèn- Lão Hạc- Dế Mèn phiêu lưu kí |

**BT 2:**a- 1, 2 vì viết bằng chữ Hán cần phải phiên âm sang chữ quốc ngữ để hiểu từ đó và dịch nghĩa sang tiếng Việt để hiểu bài thơb- 3 vì chữ Nôm chỉ cần được chuyển sang chữ quốc ngữ để hiểu**BT 3:**a) Âm /Ə/ được biểu thị bằng chữ ơ, â.b)  Âm /â/ vừa để ghi âm /â/ vừa để ghi âm /ơ/c) Qu, ngh, gh. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức

- HS trình bày quan điểm riêng của bản thân

**b. Nội dung:** HS hoàn thiện yêu cầu bài viết ở nhà

**c. Sản phẩm học tập:**Đoạn văn của HS đảm bảo yêu cầu

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn (6-8 dòng) trình bày suy nghĩ của em về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài.

**- HS thực hiện nhiệm vụ:** Viết đoạn văn ở nhà

Rubric đánh giá đoạn văn:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** |
| Hình thức | 1. Đầu đoạn viết hoa, viết lùi vào một ô, kết thúc đoạn văn bằng dấu câu phù hợp. | Đạt | Không đạt |
| 2. Độ dài 6 – 8 câu |  |  |
| 3. Bố cục đủ 3 phần (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn) |  |  |
| 4. Không sai lỗi chính tả, trình bày sạch đẹp. |  |  |
| Nội dung | Mở đoạn | 5. Giới thiệu vấn đề: việc học và sử dụng chữ Quốc ngữ. |  |  |
| Thân đoạn | 6. Trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc học và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài. |  |  |
| Kết đoạn | 7. Kết thúc vấn đề: Nêu cảm nhận của bản thân, đánh giá vai trò, ý nghĩa của chữ Quốc ngữ |  |  |
| **KẾT QUẢ** |  |  |

PHỤ LỤC PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:

Lớp:

Tìm các từ có nghĩa trong bảng sau và điền vào chỗ trống:



1. ..... (a) là chữ viết cổ của tiếng Việt, do người Việt sáng tạo dựa trên cơ sở ......(b). Việc sáng tạo ra ngôn ngữ mới này thể hiện ý chí ..... (c) , tự chủ, tự cường của dân tộc ta sau hàng nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của chữ viết này là ..... (d).
2. Chữ Quốc ngữ là chữ viết ghi âm của tiếng Việt và là chữ viết mà ngày nay chúng ta đang sử dụng. Ưu điểm lớn nhất của chữ Quốc ngữ là ...... (e)

 **BÀI 1**

**THƠ VÀ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**Tiết ... THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**PHÒ GIÁ VỀ KINH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc trưng thể loại của văn bản “*Phò giá về kinh”.*

- Nhận diện đôi nét về tác giả, tác phẩm của văn bản “*Phò giá về kinh”.*

- Xác định và phân tích được các đặc điểm của văn bản: *Vần, nhịp, niêm, luật…*

- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của văn bản

- Nhận diện và phân tích được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

- Viết bài văn phân tích được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

 **a. Mục tiêu:** HS đọc văn bản thơ “Phò giá về kinh” nhận biết đặc điểm nổi bật của kiểu thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt được thể hiện trong văn bản (vần, nhịp, niêm, luật.....); nhận biết được ý nghĩa tư tưởng mà VB muốn gửi đến người đọc.

 **b. Nội dung:** HS đọc văn bản “Phò giá về kinh” – Trần Quang khải và hoàn thành phiếu học tập theo câu hỏi trong SGK/22.

 **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS

 **d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giao nhiệm vụ học tập:**

**Nhiệm vụ 1:** GV phát phiếu học tập cho HS

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Các yếu tố hình thức của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt qua bài thơ : “ Phò giá về kinh”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Thể hiện trong bài thơ “**Phò giá về kinh”. |
| *Số dòng/ số chữ* |  |
| *Vần* |  |
| *Nhịp* |  |
| *Niêm, luật* |  |

**Nhiệm vụ 2:** Trả lời câu hỏi số 3,5 trong SGK/22

 **- Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS đọc văn bản Phò giá về kinh”.

và hoàn thành phiếu học tập

**-** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**: HS nộp bài và báo cáo GV.

 **- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Mức độ hoàn thành phiếu học tập của HS:

 + Đạt: từ 80% nội dung bài học trở lên.

+ Chưa đạt: dưới 80% nội dung bài học. GV yêu cầu HS bổ sung

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế cho học sinh trước tiết học.

- Kết nối với bài học.

**b. Nội dung:**- Học sinh xem video và trả lời câu hỏi.

 **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

 **d. Tổ chức hoạt động**

 ***Giao nhiệm vụ học tập:***GV trình chiếu video: giới thiệu về vùng đất Hàm Tử

- Yêu cầu học xem chú ý xem video, sau đó trả lời câu hỏi:

+ E m biết gì về Hàm Tử? Vùng đất đó gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc?

***Dự kiến sản phẩm:***

+ Hàm Tử , Chương Dương nằm bên tả ngạn, hữu ngạn sông Hồng ,là nơi diễn ra 2 cuộc kháng chiến ác liệt của quân dân nhà Trần đánh tan giặc Mông Nguyên xâm lược , làm nên trang lịch sử vẻ vang của dân tộc

Link video: https://youtu.be/H3eDGQMhDok

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** Học sinh xem video, suy nghĩ câu hỏi theo yêu cầu.

***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:*** Hs trả lời câu hỏi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Nhận xét câu trả lời của học sinh.

**- Giới thiệu bài**: *Chúng ta đã đc cảm nhận tinh thần dân tộc ý thức về độc lập chủ quyền dân tộc trong bài thơ "Nam quốc sơn hà". Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng của dân tộc trong bài thơ “Phó giá về kinh” của Trần Quang Khải*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**

**-** HS vận dụng kiến thức đã học về cách đọc 1 văn bản thơ.

- Đọc diễn cảm bài thơ.

- Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

 **b. Nội dung:**

- Đọc diễn cảm bài thơ.

**c. Sản phẩm:** - Đọc diễn cảm bài thơ của hs.

- câu trả lời của học sinh về tác giả, tác phẩm

**d. Cách tổ chức thực hiện:**

**B1. Giao nhiệm vụ:**

+ GV yêu cầu học sinh đọc trước VB ở nhà, đọc diễn cảm và trả lời trước các câu hỏi ở phần hướng dẫn đọc.

+ Đến lớp, Gv tổ chức đọc diễn cảm.

*- GV yêu cầu HS:*

+ Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Trần Quang Khải và tác phẩm “Phò giá về kinh.”

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

**I. Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả***

- Trần Quang Khải (1241 - 1294), con trai thứ ba vua Trần Nhân Tông.

- Là Thượng tướng, có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên (lần 2: 1284 – 1285 và lần 3: 1287 -1288). Đặc biệt trong hai trận Hàm Tử và Chương Dương.

***2. Tác phẩm***

***\* Bối cảnh ra đời:***

- Bài thơ đc sáng tác năm 1285, lúc ông đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long - ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử vào tháng 6/1258-> thể hiện hào khí Đông A( Hào khí thời Trần): ý chí quyết tâm, lòng tự tôn tự hào dân tộc.

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Thực hành đọc diễn cảm VB.

**B4. Đánh giá kết luận:** GV nhận xét, đánh giá của hs.

**II. Báo cáo đọc thực hành**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua vần, nhịp, niêm luật, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, ý nghĩa tư tưởng cuẩ bài thơ.

**b. Nội dung:**

- Học sinh trả lời các câu hỏi gợi ý, hoàn thiện PHT theo hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, PHT đã hoàn thiện của HS

**d. Cách tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv - Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ:***Hs chuẩn bị bài từ trước, trên lớp thực hiện báo cáo.***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua các yếu tố hình thức, nội dung của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt**- Hs hoàn thành câu hỏi 1,2 theo mẫu PHT đã chuẩn bị cá nhân ở nhà.- Đến lớp Gv tổ chức cho hs thảo luận, làm việc nhóm để hoàn thành *PHT số 1,2* theo mẫu.- GV yêu cầu học sinh chuẩn bị bài trước ở nhà, đến lớp, GV có thể phát phiếu học tập cho học sinh theo nhóm.**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về chủ đề, ý nghĩa của bài thơ. (Câu 3,6)**+ Gv yêu cầu hs trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi số 5: *- Chủ đề của bài thơ là gì?** Bài thơ vẫn còn ý nghĩa với cuộc sống hiện nay như thế nào?

**Nhiệm vụ 3: So sánh với bài thơ: “ sông núi nước Nam”**So sánh bài thơ trên với bài thơ: “Sông núi nước Nam” để chỉ ra sự tương đồng về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai tác phẩm?**Nhiệm vụ 4: Chia sẻ kinh nghiệm khi đọc 1 vb thơ Đường luật**- Gv gọi 1-2 học sinh chia sẻ kinh nghiệm đọc-hiểu 1 VB thơ Đường**B2. Thực hiện nhiệm vụ**- Làm việc nhóm và cá nhân theo yêu cầu của gv để hoàn thiện các PHT và câu trả lời.**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**- HS báo cáo kết quả làm việc nhóm và cá nhân.- Nhóm và các cá nhân khác nhận xét, đánh giá, bổ sung nếu cần.**B4. Đánh giá kết luận**- GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | **1. Nét độc đáo của bài thơ.**(Phiếu học tập số 1,2)**2. Chủ đề, Ý nghĩa của bài thơ****\* Chủ đề** - Hào khí chiến thắng và khát vọng hòa bình , thịnh trị của dân tộc.**\* Ý nghĩa** + Nhắc nhở thế hệ trẻ về những chiến công hào hùng của thế hệ cha anh.+ Động viên thế hệ trẻ phải biết giữ gìn, bảo vệ đất nước hòa bình.+ Tuyên truyền thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước của dân tộc. **3. So sánh với bài thơ: “ Sông núi nướcNam”** **- Nội dung:**+ Đều thể hiện một tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm kiên cường và bất khuất.+ Đều nói về chủ quyền và độc lập của dân tộc.**- Hình thức:**+ Đều viết theo thể thơ Đường luật (Phò tá về kinh: Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật; Nam quốc sơn hà: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật)+ Đều viết bằng chữ Hán.**4. Kinh nghiệm đọc hiểu một văn bản thơ Đường luật**- Tìm và nhận xét hiệu quả của những từ ngữ, hình ảnh, BPTT, vần, nhịp.- Làm rõ ý nghĩa, chủ đề ,cảm hứng chủ đạo của bài thơ.. |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Thể hiện trong bài thơ “Phò giá về kinh”** |
| *Số dòng, số chữ* |  |
| *Vần*  |  |
| *Nhịp* |  |
| *Niêm* |  |
| *Luật*  |  |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Thể hiện trong bài thơ “Phò giá về kinh”** |
| **Thể thơ** | **Ngũ ngôn tứ tuyệt** |
| *Số dòng, số chữ* | 4 dòng, mỗi dòng 5 chữ |
| *Vần*  | Quan- san |
| *Nhịp* | 2/3 |
| *Niêm,*  | Tiếng thứ 2 của câu 2 cùng thanh bằng với tiếng thứ 3 của câu 3 |
| *Luật*  | Tiếng thứ 2 câu thơ thứ 1 của bài thơ là thanh trắc-> bài thơ theo luật trắc |

**Phiếu học tập số 2**

**Tình cảm, cảm xúc của bài thơ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Từ ngữ, hình ảnh, đặc sắc NT** | **Nhận xét** |
| Chương Dương cướp giáo giặcCầm Hồ Hàm Tử Quan |   |  |
| Thái bình tu trí lựcVạn cổ thử giang san |  |  |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Từ ngữ, hình ảnh, đặc sắc NT** | **Nhận xét** |
| Đoạt sao Chương Dương độCầm Hồ Hàm Tử Quan | * Hình ảnh:

+ Chương Dương+ Hàm Tử* Sử dụng các ĐT mạnh: đoạt, sáo
* Việc sử dụng các động từ mạnh cùng các chiến thắng lịch sử thể hiện khí thế dũng mãnh, chủ động hào hùng của dân tộc.
 | ***Hai câu đầu nói về chiến công lừng lẫy của quân ta-> hào khí hào hùng của cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên*** |
| Thái bình tu trí lựcVạn cổ thử giang san | * Nhịp thơ 2/3-> dứt khoát, mạnh mẽ, thể hiện hào khí chiến thắng
* Từ ngữ: thái bình, vạn cổ -> khát vọng hòa bình độc lập muôn đời
 | ***Hai câu cuối nói về khát vọng muôn đời thái bình, thịnh trị.*** |
| Mối quan hệ giữa 2 câu đầu và 2 câu cuối |  | * ***Hai dòng thơ đầu là nền tảng cho sự xuất hiện , tư tưởng chiến lược ở 2 dòng sau***
 |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để ôn tập lại tri thức về đọc hiểu thể loại thơ Đường luật

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm dạng trò chơi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Giao nhiệm vụ**

+ GV trình chiếu câu hỏi trên máy chiếu:

**Câu 1:** Văn bản Phò giá về kinh thể hiện nội dung gì?

* A. Ca ngợi chiến thắng của dân tộc ta.
* B. Động viên, nhắc nhở, xây dựng đất nước khi hòa bình.
* C. Say sưa với hai trận thắng Chương Dương và Hàm Tử.
* **D.Thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của đất nước.**

**Câu 2:** Tác phẩm được viết theo thể thơ nào?

* A. Thơ thất ngôn tứ tuyệt
* B. Thất ngôn bát cú
* **C. Ngũ ngôn tứ tuyệt**
* D. Ngũ ngôn

**Câu 3:** Hai câu thơ đầu bài thơ diễn tả điều gì?

* A. Nói về hào khí chiến thắng của dân tộc trong cuộc chiến chống Mông- Nguyên xâm lược
* B. Chiến thắng quan trọng để giải phóng kinh đô Thăng Long, góp công vào bảo vệ độc lập dân tộc
* C. Chiến thắng quan trọng có công sức của tác giả: chiến thắng ở Chương Dương và Hàm Tử
* **D. Tất cả đều đúng.**

**Câu 4:** Hai bài Phò giá về kinh và bài Sông núi nước Nam có gì giống nhau?

* A. thể hiện khí khách oai hùng, kiêu hãnh của dân tộc.
* B. tình cảm chân thành, sâu sắc của nhà thơ được thể hiện kín đáo, ẩn sau những câu chữ.
* C. giọng thơ hào hùng, mạnh mẽ, dồn dập chứa nhiều hàm súc, đọng lại những vần thơ câu thơ.
* **D. Tất cả đều đúng.**

**Câu 5:** Phò giá về kinh do tác giả nào sáng tác?

* A. Lý Thường Kiệt
* B. Phan Bội Châu
* **C. Trần Quang Khải**
* D. Trần Nhân Tông

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS trả lời xem ai nhanh nhất

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**Thực hành đọc hiểu**

**TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ**

**(Trích Chinh phụ ngâm)**

**Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn**

**Bản diễn Nôm hiện hành: chưa rõ tác giả**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được thể loại của văn bản “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”.*

- Nhận diện đôi nét về tác giả, tác phẩm của văn bản “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”.*

- Xác định và phân tích được các đặc điểm của văn bản: *Vần, nhịp, niêm, luật…*

- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của văn bản

- Nhận diện và phân tích được tâm trạng cô đơn sầu muộn của người chinh phụ trong tình cảnh lẻ loi khi chồng đi chinh chiến; thấy được tiếng nói tố cáo chiến tranh và đề cao hạnh phúc lứa đôi của tác phẩm.

- Viết bài văn phân tích được tâm trạng của nhân vật trữ tình.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện thái độ thương cảm với nỗi cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ, đồng thời oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

- Biết thương xót, đồng cảm với nỗi đau khổ, bất hạnh của người phụ nữ và có thái độ chống lại các thế lực bạo tàn gây đau khổ cho họ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: ***Hãy kể tên một số thể loại thơ mà em biết?***

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*cùng với thể thơ lục bát, thể song thất lục bát là hai tiểu loại thơ do chính người việt chúng ta sáng tạo ra. Chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu đặc điểm của thơ song thất lục bát qua đoạn trích“Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” (Trích Chinh phụ ngâm).Nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn. Bản diễn Nôm hiện hành chưa rõ tác giả. Tương truyền của Đoạn Thị Điểm và Phan Huy Ích.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản, tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, dịch giả****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:*+ Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Đặng Trần Côn, dịch giả và tác phẩm *Chinh phụ ngâm.***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.. **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về bài thơ**GV: Lưu ý cách đọc : Ngát đúng nhịp của thể thơ song thất lục bát. Giọng chậm, buồn***.*****HS thực hiện nhiệm vụ:** Đọc từng phần, học dinh khác nhận xét bạn đọc và đọc phần tiếp theo.**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**GV tổ chức trò chơi hỏi chuyên gia.Cách chơi: Chọn 3 hs làm chuyên gia. Mỗi nhóm (chia lớp thành 6-8 nhóm trước đó) cử đại diện hỏi chuyên gia một câu hỏi về chủ đề : Trong văn bản có từ nào khó em chưa hiểu cần chuyên giải đáp? Lưu ý các từ được hỏi của nhóm sau không trùng nhóm trước.-Cả lớp chấm điểm các chuyên gia bằng hình thức dơ tay biểu quyết.-Thời gian : 3 phútChuyển giao nhiệm vụ:Gv dùng phiểu học tập yêu cầu học sinh điền thông tin

|  |  |
| --- | --- |
| Xuất xứ |  |
| Chữ viết |  |
| Thể thơ |  |

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***- HS động cá nhân***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***HS báo cáo kết quả, nhận xét.***Bước 4: Kết luận, nhận định.***GV kết luận và giới thiệu về tác phẩm “Chinh phụ ngâm “

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Nguyên tác | Bản diễn Nôm |
| Văn tự | Chữ Hán | Chữ Nôm |
| Số câu | 476 câu | 412 câu |
| Thể thơ | Trường đoản cú | Song thất lục bát |
| Thể loại | Ngâm khúc | Ngâm khúc |

**\* Nội dung:**- Oán ghét chiến tranh phi nghĩa.- Thể hiện tâm trạng khát khao hạnh phúc lứa đôi.(*các em thấy giá trị hiện thực được thể hiện qua việ*c tố cáo chiến tranh phi nghĩa. Mà ở đó các em bắt gặp nỗi cô đơn sầu tủi của người chinh phụ có chồng ra trận, chúng ta còn những khó khăn, gian khổ của người chinh phu nơi chiến trường. Tác phẩm còn mang giá trị nhân đạo qua việc Thể hiện tâm trạng khát khao hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụĐọc tác phẩm chinh phụ ngâm các em sẽ bắt gặp những nỗi niềm tâm sự, những cảm xúc, tâm trạng mà cảm xúc, tâm trạng nào cũng khiến chúng ta xót xa, những lưu luyến lúc chia tayNhủ rồi tay lại cầm tay,Bước đi một bước giây giây lại dừng.Có cả những trống trãi cô đơn“Cùng trông lại mà cùng .....hơn aiCó cả những ước mong, những nhớ nhung khao khát. “Ước gì gần một tấc gangGiải niềm cay đắng để chàng tỏ hay”Có lẽ giá trị hiện thức và nhân đạo ấy sẽ khiến cho tp Chinh phụ ngâm sống mãi trong lòng chúng ta. **\*Nghệ thuật:** - Bút pháp ước lệ tượng trưng.- Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm, sử dụng nhiều điển cố điển tích.**Gv: yêu cầu hs chỉ ra đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong văn bản.**

|  |
| --- |
| ***Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát trong đoạn trích “***Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” |
| ***Số câu, số chữ*** |  |
| ***Ngắt nhịp*** |  |
| ***Thanh điệu*** |  |
| ***Gieo vần*** |  |

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***- HS nhóm đôi***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***HS báo cáo kết quả, nhận xét.***Bước 4: Kết luận, nhận định.***GV kết luận trên slide“Lòng này gửi / gió đông có **tiện**? Nghìn vàng /xin gửi /**đến** non Yên. Non Yên /dù chẳng /tới **miền**, Nhớ chàng thăm thẳm /đường **lên** bằng trời. Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu, Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong. Cảnh buồn người thiết tha lòng, Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.Sương như búa, bổ mòn gốc liễu.Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô.Giọt sương phủ bụi chim gù,Sâu tường kêu vẳng, chuông chùa nện khơi.Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc,Một hàng tiêu, gió thốc ngoài hiên,Lá màn lay, ngọn gió xuyên,Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm,Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông,Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùngTrước hoa, dưới nguyệt trong lòng xiết đau!”

|  |
| --- |
| ***Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát trong đoạn trích “***Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” |
| Số câu, số chữ | - Mỗi khổ gồm 4 dòng thơ (1 cặp song thất, 1 cặp lục bát.) |
| Ngắt nhịp | - Song thất: 3/2/2 – 3/4- Lục bát: 2/2/2 – 4/4 (2/2/2/2) |
| Thanh điệu | - Câu thất 1: tiếng cuối T- Câu thất 2: tiếng cuối B- Câu lục: tiếng cuối B- Câu bát: tiếng 6 và 8: B |
| Gieo vần | - Tiện – đến (hiệp vần T)- Yên – miền (hiệp vần B)-Miền -lên (hiệp vần B) |

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Bt kể về sự việc gì? Diễn tả tâm trạng của ai? Sự việc và tâm trạng đó chi phối bố cục của bài thơ như thế nào?****Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động cá nhân.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **I. Đọc, tìm hiểu chung*****1. Tác giả và dịch giả***a. ***Tác giả***- Tác giả Đặng Trần Côn sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII.- Là người thông minh, tài hoa, hiếu học.- Tính cách “đuyềnh đoàng ko buộc” - tự do, phóng túng nên không đỗ đạt cao, chỉ đỗ Hương cống và giữ các chức quan thấp.- Các tác phẩm: *Chinh phụ ngâm, thơ và phú bằng chữ Hán***b. Dịch giả**- Đoàn Thị Điểm (1705- 1748):+ Hiệu: Hồng Hà nữ sĩ.+ Quê: Giai Phạm - Văn Giang - xứ Kinh Bắc.+ Là người nổi tiếng tài sắc, tính cách khác thường.+ 37 tuổi kết hôn với ông Nguyễn Kiều - một tiến sĩ góa vợ. Năm 1743, ông Nguyễn Kiều đi xứ Trung Quốc. Trong thời gian ông đi xứ, Đoàn Thị Điểm sống cuộc sống ko khác người chinh phụ là mấy → đồng cảm.- Phan Huy Ích (1750- 1822)+ Là người thuộc trấn Nghệ An sau rời đến Hà Tây.+ Đỗ tiến sĩ năm 26 tuổi**2. Tìm hiểu chung về bài thơ**a. Đọc và tìm hiểu chú thích-Đọc-Chú thíchb. Tìm hiểu chung- Xuất xứ: từ câu 209 đến câu 288 “Chinh phụ ngâm”- Chữ viết: chữ Hán- Thể thơ: Song thất lục bát-Sự việc: Người chinh phụ nhớ chồng (đi lính ở biên ải) da diết và khát vọng sum vầy của nàng.- Bố cục gồm 3 phần:* Phần 1. Từ đầu đến “tiếng trùng mưa phun”: nỗi nhớ thương chồng nơi xa
* Phần 2. Tiếp đến “gió thốc ngoài hiên”: tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ
* Phần 3. Còn lại: Ước mơ, khát vọng về hạnh phúc của đôi lứa của người chinh phụ
 |

**Hoạt động 2: Đọc, tìm hiểu chi tiết văn bản.**

**a. Mục tiêu:**  HS nhận diện và phân tích được tâm trạng cô đơn sầu muộn của người chinh phụ trong tình cảnh lẻ loi khi chồng đi chinh chiến; thấy được tiếng nói tố cáo chiến tranh và đề cao hạnh phúc lứa đôi của tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv chuyển ý: *Sau khi chia tay người chồng, chinh phụ trở về chờ đợi mong sớm gặp lại người chồng bởi lời hứa hẹn lúc chia tay. Nhưng cái mốc hẹn hướng ấy đã trôi qua từ rất lâu mà vẫn bặt vô âm tín, nàng ngày ngày trong khuya phòng lạnh lẽo với nối nhơ thương mỏi mòn và khát vọng sum vầy. Đó chính là mạnh cảm xúc của đoạn trích.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu nỗi nhớ thương chồng nơi xa qua 8 dòng thơ đầu**.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****GV: Tổ chức hoạt động nhóm** Câu hỏi thảo luận: Nỗi lòng người chinh phụ được thể hiện qua những tín hiệu nghệ thuật nào ở 8 dòng thơ đầu? Em cảm nhận như thế nào vể tâm trạng của người chinh phụ. Đâu là nguyên nhân dẫn đến tâm trạng ấy?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS hoàn thành phiếu học tập**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.**Thao tác 2: tìm hiểu tình cảnh cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc đoạn 2 SGK và hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ |
| Từ ngữ, hình ảnh thơ | Ý nghĩa |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| Nhận xét: |

HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.-Dự kiến sản phẩm

|  |
| --- |
| Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ |
| Từ ngữ, hình ảnh thơ | Ý nghĩa |
| sương, tuyết | giá buốt lạnh lẽo |
| Hình ảnh so sánh "sương như búa", "tuyết dường cưa" +động từ mạnh “bổ mòn” “xẻ héo” + hình ẩn dụ “ gốc liễu”, “ cành ngô” | cực tả được tâm trạng cô đơn, lẻ bóng qua cách nhìn thế giới bên ngoài của người phụ nữ vắng chồng trong đêm khuya giá lạnh |
| Từ ngữ chỉ âm thanhTiếng chim gọi bạn +Âm thanh tiếng chuông chùa+Ttiếng dế kêu trước cửa nhà, +Tiếng gió thốc  | Nỗi thao thức trằn trọc của người phụ nữ có chồng ra trận |
| Hinh ảnh bóng hoa theo bóng nguyệt | Cảnh giao hoà, người trống vắng, khát khao hạnh phúc trỗi dậy. |
| Nhận xét:-Nghệ thuật :so sánh, ẩn dụ, lấy động tả tĩnh, tả cảnh ngụ tình…-Tâm trạng: Trống trải, cô đơn, buồn tủi. |

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng**Gv bình giảng :****Thao tác 3: Ước mơ, khát vọng về hạnh phúc của đôi lứa của người chinh phụ.****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc 4 câu cuối SGK và trả lời câu hỏi: Hình ảnh gắn bó giữa *hoa* và *nguyệt thể hiện điều gì? Em có nhận xét gì nghệ thuật được sử dụng trong 4 câu thơ?***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng**Thao tác 4: Hs tìm hiểu thông điệp của đoạn trích.****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS trả lời câu câu hỏi :Theo em tác giả và dịch giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì từ đoạn trích?**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS khai quát nội dung nghệ thuật của bài- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS từ việc tìm hiểu đoạn trích hãy nêu cách đọc hiểu vă bản thơ song thất lục bát?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide. | **II. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT**1. Nỗi nhớ thương chồng nơi xa của người chinh phụ.**-**Hình ảnh: *gió đông,* *non Yên* -> Ước lệ tượng trưng.+*Gió đông*: gió từ phương đông => chỉ gió mùa xuân.+ *Non Yên*: nơi chồng đi chinh chiến lập công.-Ẩn dụ “nghìn vàng”: tấm lòng thủy chung son sắt.-> Người chinh phụ không biết gửi nỗi nhớ chồng với ai, muốn nhờ ngọn gió mùa xuân mang theo hơi ấm tình thương đưa đến "non Yên" những tình cảm nhung nhớ , tấm lòng thuỷchugn son sắt của mình.- Gió đông, non Yên là hình ảnh mang tính ước lệ-> Gợi không gian rộng lớn, một khoảng cách muôn trùng xa xôi giữa người chinh phu và người chinh phụ. Chính không gian, thời gian đó như càng nhân lên đến cao độ nỗi nhớ mong da diết, khắc khoải của người chinh phụ.-Điệp từ “*nhớ chàng”:* khắc sâu hơn nỗi nhớ.- Từ láy “*Thăm thẳm”*: Nỗi nhớ như kéo dài vô tận và được cụ thể bằng hình ảnh so sánh đường lên bằng trời.-Từ láy” *Đau đáu”*: Thể hiện sự day dứt, lo lắng không một chút yên lòng. Như có một cái gì đó hết sức xót xa, tội nghiệp.=>Từ “đau đáu”, “thăm thẳm” vừa diễn tả được độ dài vừa thể hiện được chiều sâu (độ cao) của con đường; từ “đau đáu”, “thiết tha” thể hiện được nỗi lo lắng, không yên và đau đớn đến tột cùng. Dường như nỗi nhớ, nỗi sầu của người chinh phụ trong cách thể hiện không gian vô tận, thời gian vô cùng như thế đã làm cho người đọc nhận ra cái cảm giác nỗi cô đơn và sự nhớ nhung, buồn thảm trong lòng người chinh phụ như thể được tăng lên gấp bội.+ Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình” *Cảnh buồn người thiết tha lòng/Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun”* Cảnh buồn-> con người cũng buồn.Ở đây, dịch giả đã gặp gỡ tác giả TK: *Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu**Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* => thể hiện sâu sắc và tinh tế mqh giữa ngoại cảnh và tâm cảnh, giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Đó là sự hòa đồng tâm trạng giữa thiên nhiên và con người.🢣 *Tâm trạng*: nhớ thương, khát khao sự đồng cảm của chinh phu nơi biên ải nhưng vô vọng, sầu nhớ da diết, triền miên. Tất cả đều do cuộc chiến tranh xảy ra khiến người chồng phải ra chiến trường, đẩy đôi vợ chồng trẻ vào hoàn cảnh chia lìa, xa cách.**2. Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ**- Hình ảnh : sương, tuyết=> giá buốt lạnh lẽo.- Hình ảnh so sánh "sương như búa", "tuyết dường cưa" +động từ mạnh “bổ mòn” “xẻ héo” + hình ẩn dụ “ gốc liễu”, “ cành ngô” => cực tả được tâm trạng cô đơn, lẻ bóng qua cách nhìn thế giới bên ngoài của người phụ nữ vắng chồng trong đêm khuya giá lạnh. Người chinh phụ với nỗi nhớ nhung sầu muộn đang bị thời gian hủy hoại cả về thể xác lẫn tinh thần.-Từ ngữ chỉ âm thanh +Tiếng chim gọi bạn +Âm thanh tiếng chuông chùa+Ttiếng dế kêu trước cửa nhà, +Tiếng gió thốc => Những thanh âm ấy càng hiện rõ trong đêm khuya thì càng chính tỏ không gian tĩnh lặng đến tuyệt đối trong nỗi thao thức trằn trọc của người phụ nữ có chồng ra trận. Nỗi buồn của người chinh phụ tưởng như tan ra theo những thanh âm nhưng rốt cuộc vẫn không mất đi mà còn như lặn sâu hơn vào trong cõi lòng của người vợ nhớ chồng.=>Nghệ thuật lấy động tả tĩnh. **-**Hinh ảnh bóng hoa theo bóng nguyệt =>Cảnh hoa – nguyệt giao hòa khiến lòng người rạo rực, khao khát hạnh phúc lứa đôi. Nỗi trống vắng càng bào mòn con người bao nhiêu thì sự khát khao đang trỗi dậy trong thế giới tinh thần của người chinh phụ lại mạnh mẽ lên bấy nhiêu.**=>** Trống trải, cô đơn, buồn tủi.**3. Ước mơ, khát vọng về hạnh phúc của đôi lứa của người chinh phụ.**- Hình ảnh : hoa nguyệt.- Động từ: dãi, lồng=> gợi lên cảnh gắn bó âu yếm nồng nàn hạnh phúc của thiên nhiên một cách rất trang nhã và kín đáo. Nó như mũi dao sắc lẹm cứa vào nỗi lòng sâu thẳm của người chinh phụ. Bới nhìn cảnh hoa nàng chinh phụ không khỏi nhớ về những đêm xuân tình ngày trước càng thương mình, tủi phận trong nỗi đau xót nhớ mong thâu đêm suốt sáng. =>Ý thức về quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc lứa đôi cá nhân của người chinh phụ mạnh mẽ.=> nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.**4. Thông điệp:****+Là tiếng nói đầy nhân văn** về quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.-Là tiếng nói phản chiến mạnh mẽ.Chính chiến tranh phi nghĩa đã phá hoại tình cảm lứa đôi; đẩy người chinh phụ vào những đêm trường lẻ bóng với bao nỗi sầu thương nhớ, trong những nỗi khát khao hạnh phúc gia đinh. **III. TỔNG KẾT**1. **. Nghệ thuật**

-Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” không chỉ là một trong những đỉnh cao của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình , đỉnh cao của thể thơ song thất lục bát. Ý thơ đăng đối; những hình ảnh trang nhã, gợi cảm kết hợp với nhịp thơ lục bát giàu âm điệu đã làm cho đoạn trích nói riêng hấp dẫn; Đồng thời, hệ thống những từ láy kết hợp với lối thơ vắt dòng và biện pháp điệp từ, điệp ngữ càng làm cho những câu thơ trở nên nặng trĩu tâm trạng, mở ra một nỗi buồn thương bao trùm lên cảnh vật.**2. Nội dung****-** Nỗi cô đơn, sầu muộn, trong nỗi niềm khát khao hạnh phúc của người chinh phụ.**-** Là tiếng nói tố cáo chiến tranh phi nghĩa.**3. Cách đọc hiểu văn bản** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

### d. Tổ chức thực hiện:

###  CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú.

 B. Lục bát.

**C. Song thất lục bát.**

D. Thất ngôn tứ tuyệt.

**Câu 2:** Bản diễn Nôm *Chinh phụ ngâm*được cho là của ai?

A. Trần Trọng Kim.

B. Phan Huy Chú.

C. Đoàn Thị Điểm.

**D. Đoàn Thị Điểm hoặc Phan Huy Ích.**

**Câu 3:** Tác phẩm *Chinh phụ ngâm*của Đặng Trần Côn được viết bằng chữ gì?

A. Chữ Nôm.

**B. Chữ Hán.**

C. Chữ Trung giản thể.

D. Chữ Hán Việt.

**Câu 4:**Cảm xúc chủ đạo trong văn bản *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*là gì?

A. Nỗi oán giận, lên án chiến tranh phi nghĩa đã chia cắt tình yêu đôi lứa.

**B. Nỗi nhớ thương, khát khao hạnh phúc lứa đôi của một người phụ nữ có chồng ra trận.**

C. Nỗi tủi phận của người chinh phụ khi phải xa người chồng mới cưới.

D. Nỗi chán chường trước tình cảnh chiến tranh, loạn lạc liên miên khiến đất nước rơi vào hỗn loạn, con người đau khổ, lầm than.

**Câu 5:** Bút pháp nổi bật trong đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*là gì?

A. Nghệ thuật đối.

B. Điển tích, điển cố.

**C. Tả cảnh ngụ tình.**

D. Nhân hóa.

**Câu 6:**Đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*đã thể hiện tình cảm nào của người chinh phụ?

**A. Tình yêu chân thành, đằm thắm có tính chất vị tha, mang đậm nét truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.**

B. Tình yêu hiện đại, phóng khoáng, có sự ngang tàng, mạnh mẽ.

C. Sự cam chịu, nhẫn nhịn trong tình yêu.

D. Sự phản kháng, chống lại những bất công xã hội.

**Câu 7:** Nhận xét về ngôn ngữ của đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*?

**A. Ngôn ngứ điêu luyện, có cả một kho từ vựng diễn tả tình cảm u sầu với những sắc thái khác nhau.**

B. Ngôn ngữ đậm sắc thái biểu cảm, nhiều từ ngữ phóng đại, nói quá diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình.

C. Ngôn ngữ giàu màu sắc chính luận, trang trọng và hào hùng.

D. Ngôn ngữ ủy mị, nặng màu sắc u tối, tái hiện không khí chiến tranh ác liệt.

**Câu 8:**Hình ảnh có tính tượng trưng ước lệ như *“gió đông”, “non Yên”, “trời thăm thẳm”* có ý nghĩa gì?

A. Là khoảng cách xa xôi giữa chinh phu và chinh phụ.

B. Gợi ra không gian rộng lớn vô tận.

C. Thể hiện nỗi nhớ nhung da diết của người chinh phụ.

**D. Vừa gợi ra không gian rộng lớn vô tận nói lên khoảng cách xa xôi giữa chinh phu và chinh phụ vừa biểu đạt được tấm lòng chân thành, nỗi nhớ nhung vô hạn của người vợ nơi quê nhà.**

**Câu 9:** Cảnh vật qua cái nhìn tâm trạng của người chinh phu được diễn tả như thế nào qua hai câu thơ dưới đây?

*Cảnh buồn người thiết tha lòng*
*Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun*

A. Tâm trạng của con người hoàn toàn phụ thuộc vào dáng vẻ của thiên nhiên, tạo vật.

**B. Cảnh vật xung quanh chính là tâm cảnh bởi nó đã được nhìn bởi đôi mắt đẫm lệ, đã nhuốm màu tâm trạng của chủ thể trữ tình.**

C. Con người dường như cũng đồng cảm với thiên nhiên, tạo vật.

D. Cảnh vật ảnh hưởng rất đến sự biểu lộ tâm trạng của chủ thể trữ tình.

**Câu 10:**Hình ảnh *hoa*và *nguyệt*có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả tâm trạng của người chinh phu?

**A. Khơi sâu thêm nỗi đau về sự lẻ loi, cô độc của người chinh phu nơi khuê phòng.**

B. Khắc họa cảnh vật vào buổi đêm.

C. Khắc họa nỗi nhớ của người chinh phụ.

D. Khắc họa tâm trạng chán trường, oán ghét chiến tranh.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- Theo em thông điệp mà tác giá và dịch giả gửi gắm qua đoạn trích nói riêng và tác phẩm chung có còn có giá trị trong thời nay không? Hãy chứng minh?*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

 **BÀI 1**

**THƠ VÀ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**TUẦN**

***Tiết …… Viết***

**PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

* Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

- HS xác định được bài văn phân tích một tác phẩm thơ đảm bảo các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm;

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

* HS bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc sắc một tác phẩm thơ về nội dung, nghệ thuật, chủ đề....

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Cảm nhận được cái đặc sắc nghệ thuật, nội dung, chủ đề...yêu cái đẹp...qua tác phẩm thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBH; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú học tập, khơi gợi cảm xúc, định hướng kĩ năng ban đầu về cách thức phân tích thơ từ đặc điểm hình thức đến nội dung.

***b. Nội dung:***GV sử dụng PPDH, kĩ thuật trực quan, nêu và giải quyết vấn đề để HS tiếp cận với một kĩ năng viết bài văn phân tích tác phẩm thơ.

***c. Sản phẩm:*** Chia sẻ của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu một số câu thơ trong các bài thơ đã học, yêu cầu HS lựa chọn một câu thơ mà em ấn tượng/yêu thích nhất và cho biết đặc điểm hình thức, nội dung độc đáo của câu thơ đó.

*(1)Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,*

*Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.*

*Có khi bàn soạn câu văn*

*Biết bao đông bích, điển phần trước sau*

*(2) Tiếng suối trong như tiếng hát xa,*

 *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.*

*3) Bác Dương thôi đã thôi rồi*

*Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

*(4) Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,*

*Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô.*

*Giọt sương phủ, bụi chim gù,*

*Sân tường kêu vẳng, chuông chùa nện khơi.*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS theo dõi silde, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ lựa chọn và câu trả lời của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp, khen ngợi những chia sẻ của HS, đồng thời kết nối vào bài học.

*VD: Mỗi bài thơ mà ta được đọc đều để lại trong chúng ta những ấn tượng đặc biệt phải không nào? Có khi là một từ ngữ, có khi là một hình ảnh, một chi tiết, một biện pháp nghệ thuật, có khi là chủ đề, tư tưởng của bài thơ. Hành trình khám phá vẻ đẹp về nội dung và hình thức của một bài thơ, chính là cách mà ta phân tích một bài thơ. Trong bài học này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu yêu cầu và thực hành kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ.*

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***a. Mục tiêu:***

- Củng cố lại yêu cầu, quy trình viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ đã học ở lớp 8: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ;

- Hoàn thiện kĩ năng phân tích bài thơ đáp ứng yêu cầu của chương trình ở lớp 9: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó;

- Kĩ năng thực hành theo quy trình 4 bước khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ;

- Rèn luyện kĩ năng so sánh trong phân tích thơ.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và think – paire – share hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

***c. Sản phẩm học tập:***HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS làm cặp đôi trao đổi nội dung PHT1 chuẩn bị ở nhà các câu hỏi sau:*+ Thế nào là bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ?*+ *Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ, chúng ta cần chú ý điều gì? Vì sao chúng ta phải thực hiện những yêu cầu đó?***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận;- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Định hướng****1.1. Phân tích một tác phẩm thơ**- Phân tích tác phẩm thơ thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề, những đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả của nó.**1.2. Yêu cầu**- Đọc kĩ bài thơ, chú ý các đặc điểm của thể loại, tác giả, hoàn cảnh sáng tác (nếu giúp ích cho việc đọc hiểu bài thơ).- Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ, chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.- Thực hiện các bước viết bài nghị luận theo quy trình 4 bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa.- Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của bài thơ đối với người đọc cũng như cá nhân học sinh. |
| **3. Hoạt động luyện tập** |
| ***\* HĐ1: Chuẩn bị*****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà:+ Đọc lại bài thơ *Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến.* | **II. Thực hành*****1. Bài tập:*** *Phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến.***Bước 1:** **Chuẩn bị** (HS thực hiện ở nhà)**Hoàn thành phiếu HT số 1** |
|

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1****Tìm hiểu tác phẩm “Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến** |
| **Yêu cầu** | **Phần chuẩn bị của cá nhân** | **Phần bổ sung sau trao đổi nhóm** |
| 1. Tìm hiểu thông tin về tác giả Nguyễn Khuyến, về tình bạn của ông với Dương Khuê và hoàn cảnh ra đời bài thơ. |  |  |
| 2. Xem lại phần đọc hiểu, ghi chú chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức và nội dung của bài thơ. |  |  |
| 3. Ghi lại những đánh giá, cảm nhận của bản thân về bài thơ và tác giả. |  |  |
| 4. Đọc một số bài nghiên cứu, phân tích tác phẩm, ghi chép những phát hiện độc đáo, thú vị, những lời bình hay về bài thơ và tác giả. |  |  |
| 5. Tìm đọc những tác phẩm viết về tình bạn khác hoặc những câu chuyện về tình bạn đẹp trong lịch sử. |  |  |

 |
| **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**+ Xem lại phần đọc hiểu, ghi chú chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức và nội dung của bài thơ.+ Ghi lại những đánh giá, cảm nhận của bản thân về bài thơ và nhà thơ.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ Đọc một số bài nghiên cứu, phân tích tác phẩm, ghi chép những phát hiện độc đáo, thú vị, những lời bình hay về bài thơ và nhà thơ.- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo hướng dẫn của GV.- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của HS; gọi một số HS có nội dung chuẩn bị tốt chia sẻ với cả lớp; HS khác theo dõi, bổ sung và ghi chép thêm vào phần chuẩn bị của mình.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét, khen ngợi kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS; lưu ý HS việc chuẩn bị càng thực hiện tốt và chi tiết bao nhiêu sẽ tạo nền tảng cho các phần tiếp theo tốt hơn.***\* HĐ2: Tìm ý và lập dàn ý***- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4, dựa vào các nội dung đã tổng hợp được từ phần chuẩn bị, thực hành tìm ý và lập dàn ý vào PHT số 2. | **- Thông tin về tác giả:**+ Tác giả Nguyễn Khuyến xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo, ông đỗ đầu 3 kì thi Hương, thi Hội, thi Đình nên được gọi là “Tam Nguyên Yên Đổ”. Ông làm quan dưới thời nhà Nguyễn, là người tài năng, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc nhưng do bất mãn với triều chính nhiễu nhương đương thời nên đã cáo quan về quê ở ẩn và dạy học.+ Tình bạn của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê gặp nhau trong khoa thi Hương, cùng thi đỗ và trở thành bạn bè gắn bó với nhau từ đây.**- Hoàn cảnh ra đời bài thơ:** Nguyễn Khuyến nhận được tin Dương Khuê qua đời. Ông đã viết bài thơ “Khóc Dương Khuê” để giãi bày sự mong nhớ những tháng ngày cũ và tình cảm với người bạn tri kỉ của mình.**- Chủ đề:** Tình cảm sâu nặng, chân thành của nhà thơ Nguyễn Khuyến với người bạn tri kỉ của mình.**- Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:**+ Thể thơ thất ngôn bát cú với âm hưởng buồn bã, da diết, nhớ thương.+ Ngôn ngữ giản dị, bình dân mà tinh tế, uyên bác.+ Sử dụng các điển cố, điển tích một cách khéo léo, diễn tả sâu sắc nỗi niềm, cảm xúc của bản thân.*+* ………**- Những nét đặc sắc về nội dung:**+ Nỗi đau xót của tác giả khi nghe tin bạn mất.+ Nỗi nhớ về những tháng ngày đã gắn bó, đồng hành cùng nhau.+ Nỗi niềm, tâm sự của tác giả về tình bạn tri kỉ của mình.**- Một số tác phẩm viết về tình bạn:**+ *Bạn đến chơi nhà* – Nguyễn Khuyến+ *Nước lụt hỏi thăm bạn* – Nguyễn Khuyến+ *Quê hương và tình bạn* – Dương Lâm*+ Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng –* Lí Bạch |
| ***\* HĐ2: Tìm ý và lập dàn ý***- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào các nội dung đã tổng hợp được từ phần chuẩn bị, thực hành tìm ý và lập dàn ý vào PHT số 2. | **Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý** |
|

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2****Lập dàn ý phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến** |
| **Yêu cầu** | **Nội dung** |
| **Dẫn chứng** | **Phân tích** | **Liên hệ, mở rộng** |
| **Mở bài** | - Dẫn dắt giới thiệu bài thơ (vận dụng cách mở bài trực tiếp, gián tiếp)- Giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm |  |
| - Cảm nhận chung về đặc sắc của bài thơ. |  |
| **Thân bài** | - Nêu bối cảnh và sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc cho tác giả viết bài thơ |  |
| - Nêu chủ đề của bài thơ |  |
| - Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề bài thơ: |
| + Phần 1 (2 dòng đầu) |  |  |  |
| + Phần 2 (dòng 3 – 22) |  |  |  |
| + Phần 3 (dòng 23 – hết) |  |  |  |
| - Đánh giá chung về đặc sắc nghệ thuật và nội dung chủ đề của bài thơ |  |
| - So sánh với các tác phẩm khác viết về cùng đề tài, chủ đề  |  |
| **Kết bài** | - Khẳng định lại giá trị của bài thơ.- Tác động của bài thơ với cá nhân. |  |

 |
|

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2****Lập dàn ý phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến** |
| **Yêu cầu** | **Nội dung** |
| **Dẫn chứng** | **Phân tích** | **Liên hệ, mở rộng** |
| **Mở bài** | - Dẫn dắt | - Đề tài tình bạn trong cuộc sống và trong văn chương. |
| - Giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm. | - Tên tác giả: Nguyễn Khuyến- Tên bài thơ: Khóc Dương Khuê |
| - Cảm nhận chung về của bài thơ. | Bài thơ đã phát huy thế mạnh của thể thơ song thất lục bát, kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự với trữ tình, biểu cảm đã diễn tả tình cảm sâu nặng, chân thành của tác giả với người bạn tri kỉ của mình.  |
| **Thân bài** | - Bối cảnh và sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc cho tác giả viết bài thơ | - Nguyễn Khuyến và Dương Khuê vốn là những người bạn thân thiết, gắn bó với nhau từ thuở mới bước vào trường thi Hương. - Sau khi Nguyễn Khuyến cáo quan lui về quê ở ẩn, còn Dương Khuê tiếp tục ở lại làm quan. Nỗi đau của sự chia li chưa kịp thấu hết thì Nguyễn Khuyến nhận được tin dữ, Dương Khuê qua đời. Ông đã viết bài thơ “Khóc Dương Khuê” để giãi bày sự mong nhớ những tháng ngày cũ và tình cảm với người bạn tri kỉ của mình. |
| - Nêu chủ đề của bài thơ | Qua bài thơ, tác giả đã giãi bày nỗi đau đớn, xót xa, mất mát vô cùng khi nghe tin bạn mất, đồng thời là nỗi niềm mong nhớ những tháng ngày gắn bó xưa cũ và tình cảm chân thành, sâu nặng với người bạn tri kỉ của mình. |
| - Phân tích những đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề bài thơ: |
| + Phần 1 (2 câu đầu): Phân tích cách sử dụng từ ngữ, từ láy, nhịp thơ trong hai câu thơ đầu để thấy được nỗi đau xót của tác giả khi nghe tin bạn mất | Câu 1,2 | - Xưng hô, gọi tên: *Bác Dương - tôi*- Từ “thôi”- Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh- Nhịp thơ ngắt đột ngột trong câu 1 2/1/3- Nhịp thơ 4/4 với các từ láy *man mác*, *ngậm ngùi* và âm tiết mở |  |
| + Phần 2 (20 câu tiếp): Phân tích biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê, sử dụng kết hợp ngôn bình dân với ngôn ngữ bác học để nhớ lại những kỉ niệm tình bạn suốt những năm tháng gắn bó cùng nhau | Câu 3 – câu 22 | - Giọng thơ tự sự, thủ thỉ, tâm tình nói với người bạn phương xa mà như ở gần, như tự nói với chính mình- Nỗi nhớ chia làm 3 giai đoạn: thuở hàn vi, đọc sách 🡪 khi đỗ đạt làm quan 🡪 cuộc gặp gỡ 3 năm trước- Biện pháp tu từ điệp ngữ: *cũng có lúc, có khi*, điệp cấu trúc,…- Biện pháp tu từ liệt kê: *chơi nơi dặm khách, từng gác cheo leo, thú vui con hát, rượu ngon cùng nhắp, chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân, bàn soạn câu văn, buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,… trước ba năm gặp một lần,…*- Câu cảm thán, phép lặp “thôi” trong câu: “*Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!*” | - So sánh với 2 bài thơ của Nguyễn Khuyến- So sánh với bài thơ của Dương Lâm |
| + Phần 3 (16 câu cuối): Phân tích giọng thơ, từ ngữ, hình ảnh, cách nói phủ định, điển cố, điển tích,… để làm rõ tình cảm sâu nặng, chân thành của tác giả dành cho người bạn của mình | Câu 23 – câu 38 | - Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh: *về, lên tiên, chẳng ở*- Hình ảnh cụ thể hóa nỗi đau xót khi nghe tin bạn mất “*Chân tay rụng rời*”- Câu phủ định trong cặp câu lục bát “*Rượu ngon không có… không mua*”- Phép lặp trong câu thơ: “*Viết đưa ai, ai biết mà đưa*”- Điển cố, điển tích: Trần Phồn – Tử Trĩ, Bá Nha – Chung Tử Kì- Từ ngữ “*van*”, “*thương – lấy nhớ làm thương*”- Hình ảnh trong câu cảm thán cuối bài: + *Tuổi già – lệ như sương*+ *Hơi đâu ép lấy* *hai hàng chứa chan*.🡪 Nỗi buồn đau, thương nhớ thầm kín, sâu thẳm trong lòng. |  |
| - Đánh giá chung những nét đặc sắc về giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ và con người tác giả. | - Bài thơ thất ngôn bát cú với giọng điệu buồn bã, nhớ thương, sử dụng ngôn từ giản dị, dân dã kết hợp với sự uyên bác, tinh tế trong các điển cố, điển tích- Diễn tả tình cảm sâu nặng, chân thành của tác giả với người bạn tri kỉ của mình. Đồng thời, ca ngợi tình bạn chân thành, sâu sắc của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê.- Tác giả là một người đặc biệt coi trọng tình bạn và thể hiện tình cảm chân thành, sâu sắc một cách tự nhiên, khéo léo, cảm động.  |
|  | So sánh với các bài thơ viết cùng đề tài (nếu có) để làm rõ sự độc đáo của bài thơ  | - So sánh với bài thơ “Bạn đến chơi nhà”, “Nước lụt hỏi thăm bạn” để thấy được sự thống nhất trong tư tưởng về tình bạn và nét khác biệt trong giọng điệu, cảm xúc, của tác giả ở bài thơ. |
| **Kết bài** | - Khái quát, khẳng định lại giá trị của bài thơ.- Tác động của bài thơ với cá nhân. | - Là bài thơ thất ngôn bát cú viết về tình bạn cảm động và sâu sắc nhất.- Nhận ra được tình bạn chân thành trong cuộc sống; hiểu và trân trọng giá trị của tình bạn… |

 |
| ***\* HĐ3: Viết*** **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn và yêu cầu HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:(1) GV hướng dẫn HS viết các đoạn MB, phân tích 1 luận điểm trong phần TB và KB dựa trên dàn ý chi tiết đã xây dựng (có minh họa).*Ví dụ:**+ MB trực tiếp: Nguyễn Khuyến là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Ông được mệnh danh là “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” với những bài thơ chứa chan tình cảm cao đẹp và đặc trưng ngôn ngữ vừa thuần khiết, giản dị lại vừa tinh tế, uyên bác. Ông có hàng trăm bài thơ viết về tình bạn, trong đó nổi tiếng nhất phải kể đến bài thơ song thất lục bát “Khóc Dương Khuê” đã thể hiện sâu sắc tình bạn chân thành, sâu nặng, của tác giả với người bạn tri âm, tri kỉ của mình.**+ MB gián tiếp: Xưa nay trong nhân thế, tình bạn vốn là một thứ tình cảm gắn bó khăng khít, mang ý nghĩa vô cùng cao đẹp. Chính vì vậy, có rất nhiều nhà văn, nhà thơ đã lấy tình bạn làm đề tài sáng tác cho các tác phẩm của mình. Trong đó phải kể đến bài thơ song thất lục bát “Khóc Dương Khuê” của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Một bài thơ với giọng điệu buồn bã, nhớ thương, kết hợp hài hòa, tinh tế giữa sự giản dị, dân dã với uyên bác, tài hoa đã thể hiện sâu sắc tình bạn chân thành, sâu nặng, của tác giả với người bạn tri âm, tri kỉ của mình.**+ Kết bài:* *Bài thơ được viết bằng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, chân thành kết hợp với sự tài hoa, uyên bác qua các điển cố, điển tích đã thể hiện trọn vẹn cảm xúc đau đớn, xót xa, bàng hoàng của nhà thơ trước sự ra đi đột ngột của bạn. Thể thơ song thất lục bát xen kẽ từng cặp câu thơ bảy chữ và cặp câu thơ lục bát đầy biến tấu, giàu vần điệu, ngắt nhịp đa dạng, kết hợp giữa tự sự với trữ tình, có khả năng chuyển tải những xúc chân thành, buồn thương, suy tư, trầm lắng rất phù hợp để nhà thơ bộc bạch lòng mình. Bài thơ giúp chúng ta thêm hiểu và trân trọng giá trị của tình bạn cũng như nhận ra được một tình bạn chân thành trong cuộc sống.* **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS độc lập thực hiện lần lượt các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV gọi 2 – 3 HS bất kì chiếu, trình bày đoạn văn và tổ chức chữa chung (chữa mẫu); sau đó yêu cầu HS chữa chéo bài tập theo nhóm bàn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá chung nhưng ưu điểm, hạn chế trong thực hành rèn kĩ năng phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức thơ. **Yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà** | **Bước 3: Viết*****\* Luyện viết đoạn ( trên lớp)***- Viết đoạn mở bài, kết bài- Viết đoạn văn nêu và nhận xét chủ đề của bài thơ.- Viết đoạn văn phân tích một yếu tố hình thức và tác dụng của nó trong việc biểu đạt nội dung bài thơ.***\* Viết bài văn nghị luận (Về nhà)***- Hoàn thiện bài viết theo dàn ý. |
| ***\* HĐ4: Kiểm tra và chỉnh sửa***- GV tổ chức cho HS tự đánh giá bài viết (đã hoàn thiện ở nhà) theo các tiêu chí cụ thể trong bảng kiểm; chọn một số bài viết tốt hoặc những bài viết có lỗi thường gặp để tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá trước lớp. | ***Bước 4:******Kiểm tra và chỉnh sửa*** |
|

|  |
| --- |
| **BẢNG KIỂM****Viết bài văn phân tích tác phẩm thơ** |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | **Dự kiến chỉnh sửa** |
| **Mở bài** | Giới thiệu thể thơ, tên bài thơ, tác giả |  |  |  |
| Khái quát nét đặc sắc về hình thức, nội dung bài thơ |  |  |  |
| **Thân bài** | Nêu chủ đề bài thơ |  |  |  |
| Nêu được những nét đặc sắc của tác phẩm làm sáng tỏ chủ đề bài thơ |  |  |  |
| Sử dụng các bằng chứng và phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề bài thơ |  |  |  |
| Bày tỏ suy nghĩ, quan điểm, cảm xúc về bài thơ |  |  |  |
| Triển khai hệ thống luận điểm phù hợp, liên kết chặt chẽ |  |  |  |
| **Kết bài** | Đánh giá khái quát |  |  |  |
| Cảm nghĩ, ấn tượng của bản thân |  |  |  |
| **Hình thức** | Chính tả |  |  |  |
| Ngữ pháp |  |  |  |
| Trình bày cấu trúc 3 phần |  |  |  |

 |
| - HS độc lập thực hiện tự đánh giá bài viết theo hướng dẫn.- GV lựa chọn và gọi một số HS chiếu và trình bày bài viết, kết quả tự đánh giá của mình; HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn theo các tiêu chí trong bảng kiểm. |  |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thức so sánh trong phân tích thơ qua yêu cầu mục 2.2.a SGK. HS làm việc cá nhân trả lời các yêu cầu. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**+ Đọc thông tin SGK, Ghi lại những lưu ý về so sánh trong phân tích thơ.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo hướng dẫn của GV.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. | **2. *Rèn kĩ năng so sánh trong phân tích thơ thơ****\* Nhận biết cách thức so sánh trong phân tích thơ thơ* - So sánh là chỉ ra sự giống hoặc khác nhau của hai hay nhiều tác phẩm, làm nổi bật sự độc đáo, sáng tạo của nhà thơ.- Nguyên tắc: + So sánh giống và khác nhau ở tất cả các cấp độ từ nội dung đến hình thức của TP.+ So sánh tác phẩm của hai tác giả+ So sánh tác phẩm của cùng 1 tác giả.- Trong phân tích thơ, để làm nổi bật cái hay cái đẹp của tác phẩm được phân tích , người viết thường so sánh với các tác phẩm cùng đề tài, chủ đề….*\* Vận dụng:* Viết đoạn văn so sánh, nêu lên một điểm giống nhau, một điểm khác nhau giữa văn bản *Sông núi nước Nam* với văn bản *Nước Đại Việt ta (Thực hiện ở nhà)*  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (sau khi được đánh giá bài viết trên lớp)**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ có sử dụng kĩ năng so sánh văn học trên một ngữ liệu mới.

***b. Nội dung:***GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, phân tích mẫu để hướng dẫn HS thực hành kĩ năng so sánh trong phân tích thơ.

***c. Sản phẩm:*** Bài viết cá nhân của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV giao đề bài, yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà:

**Đề bài:** Viết bài văn phân tích bài thơ “Hai chữ nước nhà” của nhà thơ Trần Tuấn Khải.

**\* GV dặn dò HS:**

- Đọc phần Định hướng và thực hiện trước phần Chuẩn bị của phần Nói và nghe (SGK/27)

- Các nhóm chọn cử 1 HS và hướng dẫn, hỗ trợ HS chuẩn bị bài thuyết trình về nội dung bài nói nghe.

**NÓI VÀ NGHE**

**NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- HS biết cách lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để biết cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, hợp tác để nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nắm được yêu cầu cần có khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh xem video thuyết trình của thí sinh Trần Thị Hoài My trong chương trình Tìm kiếm tài năng VN rồi nhận xét về bài thuyết trình của chị*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Chị My thuyết trình không thành công vì chưa chuẩn bị tốt nội dung cũng như cách thể hiện bài nói của mình. Vậy làm thế nào để thuyết phục người nghe và làm thế nào để nhận biết được tính thuyết phục của 1 ý kiến chúng ta sẽ đến vớibài học hôm nay chúng ta sẽ học bài “Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến”.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

- Biết được các kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  **NV1: HS trao đổi, thảo luận, trình bày kết quả đã chuẩn bị ở nhà**

|  |  |
| --- | --- |
| Khái niệm |  |
| Yêu cầu về nội dung |  |
| Kĩ năng nói và nghe |  |

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu học sinh trình bày kết quả của phiếu học tập số 1 đã giao ở nhà:*+ Trình bày hiểu biết của em về nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.**+ Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, các em cần lưu ý những gì?*- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm đã thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Định hướng****1.Khái niệm** Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là yêu cầu cần thiết trong giao tiếp, nhất là khi nghe trình bày một ý kiến nghị luận. Bởi vì mục đích của văn nghị luận là thuyết phục. Kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe. Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có), chẳng hạn, lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hoặc bằng chứng không liên quan đến vấn đề trình bày...**2. Yêu cầu về nội dung**Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, các em cần lưu ý:– Bối cảnh trình bày+ Không gian, thời gian– Xác định vấn đề trình bày+ So sánh hai văn bản– Đối tượng người nghe+ Thầy cô, ban bè, người thân trong gia đình, ...– Mục đích+ Nêu ý kiến, thuyết phục người nghe– Phương tiên hỗ trợ+ Máy chiếu, màn hình, tranh, ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu,– Nội dung+ Mở đầu: Nêu vấn đề và lí do chọn vấn đề+ Nội dung chính:- Trình tự các luận điểm- Lí lẽ tương ứng với từng luận điểm- Bằng chứng tương ứng với từng luận điểm+ Kết thúc:- Khái quát vấn đề đã trình bày– Cách thức, thái độ khi nói+ Hướng về người nghe, kết hợp lời nói và cử chỉ, động tác, ...; giọng điệu và âm lượng phù hợp**3. Kĩ năng nói và nghe** a) Những kĩ năng của người nói:– Nội dung trình bày:+ Vấn đề trình bàu được nêu rõ ràng, cụ thể+ Mở đầu nêu lên vấn đề gì?+ Ý kiến phong phú, có trong tâm, trình bày logic; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. – Hình thức trình bày:+ Bài trình bày có bố cục rõ ràng.+ Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.+ Có sự sáng tạo trong trình bày.– Tác phong, thái độ trình bày:+ Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.+ Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng hoặc có những từ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…)+ Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.+ Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.+ Đảm bảo yêu cầu về thời gian trình bày.b) Những kĩ năng của người nghe- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.- Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.- Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm của cá nhân về nội dung bài trình bày. |
| **\* NV2: Thực hành****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV nêu rõ yêu cầu: *HS xác định mục đích nói.*- GV hướng dẫn HS *chuẩn bị nội dung nói.*- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.- Các nhóm luyện nói**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Thực hành****a) Chuẩn bị:**- Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến của cá nhân về sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ Sông núi nước Nam và văn bản Nước Đại Việt ta.- Xem lại các hướng dẫn trong mục 1. Định hướng để nắm được cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, những hạn chế trong khi trình bày ý kiến...**b) Tìm ý và lập dàn ý**- Người nói: Tập trung vào vấn đề đã nêu ở bài tập, dựa vào gợi ý trong mục 1. Định hướng để tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày.– Người nghe: chú ý các điểm cần tập trung khi nghe để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến được trình bày và chỉ ra được những hạn chế (nếu có). Chẳng hạn, bài trình bày của người nói cần đáp ứng hệ thống ý sau đây:***Dàn ý***A. Mở đầu: nêu vấn đề, mục đích bài nói là chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản.B.Nội dung chính: \*Giống nhau:- Về đề tài: Khẳng định chủ quyền dân tộc; đều xứng đáng là bản tuyên ngôn độc lập của nước Việt. - Bối cảnh ra đời: đều ra đời trong quá trình chiến đấu chống giặc ngoại xâm. “Nam quốc sơn hà” được Lí Thường Kiệt viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược. “Bình Ngô đại cáo” được Nguyễn Trãi viết sau khi hoàn thành đại cuộc kháng Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.\*Khác nhau:- Cơ sở khẳng định chủ quyền của Lí Thường Kiệt: là lãnh thổ và chủ quyền. lãnh thổ được phân định ở sách trời “thiên thư”; có đế vương như Trung Quốc. LTK đề cao tinh thần tự tôn của 1 dân tộc độc lập, muốn thoát ly khỏi nước lớn- Nguyễn Trãi trong “Bình Ngô đại cáo” khẳng định độc lập tự do của Tổ quốc là do nhân dân lựa chọn và chính nhân dân hi sinh để có được chứ ko phải nhờ trời ban. Nguyễn Trãi đặt ngang các vương triều Đại Việt sánh với các triều đại phong kiến Trung Quốc để chứng minh nước Việt có truyền thống văn hiến; núi sông bờ cõi, lãnh thổ rạch ròi; có truyền thống, có phong tục; có lịch sử; có anh hùng hào kiệt.=> Có thể nói ở “Bình Ngô đại cáo”, quan niệm về quốc gia dân tộc hoàn thiện hơn so với “Nam quốc sơn hà”. Nguyễn Trãi đã kế thừa trọn vẹn “Nam quốc sơn hà” để từ đó tạo nên bản anh hùng ca bất hủC.Kết thúc: Khẳng định ý nghĩa và vị trí của hai văn bản đối với lịch sử dân tộc nói chung và văn học nói riêng. |

**ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

|  |
| --- |
| **Nhóm**:………. |
| **Tiêu chí** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| **Nội dung bài nói** | Giới thiệu được vấn đề: sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ “Sông núi nước Nam” và văn bản “Nước Đại Việt ta” |  |  |  |
| Đưa ra được cách các điểm giông và khác nhau trên các phương diện |  |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục |  |  |  |
| Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp hợp lí |  |  |  |
| **Cách thể hiện** | Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu một số câu hỏi gợi mở nhằm kích thích sự tò mò trước những ý quan trọng |  |  |  |
| Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ |  |  |   |
| **Sự tương tác** | Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết về nội dung nói và cách nói; giải đáp rõ ràng, nhã nhặn các thắc mắc của người nghe. |  |  |  |
| **ĐÁNH GIÁ CHUNG: ………………..** |

**Hướng dẫn về nhà**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Nhật kí nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Quan sát, đọc tin tức và ghi chép thêm một số vấn đề xã hội; trao đổi với các bạn trong nhóm về quan điểm của bản thân em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em ghi chép sổ “Nhật kí nói”.

**HS** thực hành chọn lọc thông tin từ nhiều kênh và làm sổ nhật kí.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** tự thực hiện.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV có thể kiểm tra đột xuất, ngẫu nhiên, cho điểm thưởng với những HS có ý thức học tốt.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.